



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

“Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành Công ty kinh doanh đa lĩnh vực nhưng xoay quanh cốt lõi là nghiệp vụ hàng hải, với mục tiêu hàng đầu là hiệu quả và chất lượng dịch vụ. Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo, đổi mới trong phát triển kinh doanh, hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt nhất, nhằm không ngừng tăng trưởng giá trị cổ phiếu cho cổ đông. Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo cho mọi thành viên nhằm đưa lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần”.

MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Các mốc lịch sử quan trọng	4
Tổng quan Công ty năm 2011	6
<i>Bối cảnh KT năm 2011 và dự báo năm 2012</i>	7
<i>Báo cáo của HĐQT</i>	9
<i>Báo cáo của Ban Giám đốc</i>	15
<i>Báo cáo của Ban Kiểm soát</i>	25
Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán	29
<i>Báo cáo của Ban Giám đốc</i>	30
<i>Báo cáo của Kiểm toán viên</i>	32
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	33
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	35
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	36
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	37
Cơ cấu lãnh đạo Công ty	56
<i>Thành viên HĐQT, BKS, BDH</i>	
Sơ đồ tổ chức của Công ty	64
Các Doanh nghiệp và Đối tác	
<i>Các Cty góp vốn và có vốn góp</i>	66
<i>Các thành viên góp vốn sáng lập</i>	
Các đơn vị thành viên	70



Mr. Trần Văn Quý
Chủ tịch HĐQT

Thông điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các quý cổ đông,

Năm 2011, cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài năm thứ 3 liên tiếp cộng với những biến động chính trị-xã hội tại các nước Bắc phi và Trung đông, tình trạng nợ công cao tại một số nước Châu Âu, thảm họa động đất sóng thần tại Nhật bản ... đã làm suy giảm mạnh nền sản xuất, thương mại toàn cầu và tốc độ tăng trưởng của các nước. Vận tải biển, lĩnh vực kinh doanh chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng này vốn đã xấu lại càng bị suy thoái trầm trọng hơn .

Trong điều kiện khó khăn của thị trường như vậy, Công ty đã thực hiện thành công việc tái cơ cấu tài sản, hoàn thành việc bán nhà 22 Phạm Ngọc Thạch tạo nguồn vốn đối ứng, vay ngân hàng đầu tư mua thêm 01 tàu hàng rời mang tên “Blue Lotus” trong tải 14.187 tấn của Nhật bản. Như vậy, tranh thủ thời cơ giá tàu đang ở mức thấp chỉ trong khoảng thời gian chưa đầy 01 năm tính từ tháng 10/2010 đến 6/2011 Công ty đã đầu tư mua mới thêm 02 tàu hàng rời là “Thăng long” và “Blue Lotus”, làm trẻ hóa và tăng gấp đôi năng lực vận tải đội tàu lên 49,000 DWT. Cả hai con tàu mới đầu tư này đang được khai thác hiệu quả mang lại nguồn thu khá ổn định cho Công ty.

Năm 2011 Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế trên 73,9 tỷ đồng, cao nhất từ trước tới nay về giá trị tuyệt đối với tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ đạt 49,3 %. Tuy nhiên đây lại là năm đầu tiên trong lịch sử hoạt động của mình, Công ty đã không hoàn thành kế hoạch tài chính của ĐHCĐ đề ra . Thị trường vận tải biển suy giảm quá thấp, giá nhiên liệu, chi phí vốn (lãi suất tiền vay và chênh lệch tỷ giá) tăng cao là nguyên nhân chính gây ra thua lỗ của đội tàu, ảnh hưởng nặng nề tới kết quả kinh doanh của Công ty. Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng HĐQT cũng nghiêm túc nhận trách nhiệm trước các cổ đông trong việc không hoàn thành kế hoạch do chưa đánh giá, tiên lượng hết được những khó khăn khách quan nêu trên và có những quyết sách hữu hiệu hơn .

Năm 2012 tình hình kinh tế nói chung và ngành vận tải biển nói riêng theo các dự báo sẽ vẫn tiếp tục ảm đạm và chỉ có khả năng phục hồi từ giữa năm 2013. Những khó khăn trong lĩnh vực vận tải biển của năm 2011 vẫn còn đó và thậm trí có phần trầm trọng hơn. Để vượt qua “con bão” của cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay, bên cạnh việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng khách hàng, chủ động khắc phục khó khăn, giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả trong sản xuất ... Công ty sẽ tiếp tục tập trung thực hiện việc tái cơ cấu đội tàu để cải thiện sự mất cân đối về tài chính và phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong SXKD đáp ứng sự mong mỏi của các quý vị cổ đông .

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần vận tải và Thuê tàu - Vietfracht xin được gửi tới các quý cổ đông những lời cảm ơn chân thành vì đã đồng hành và ủng hộ Công ty .

Kính chúc các quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc.

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH và THÀNH TỰU

**VẬN TẢI HÀNG HÓA
BẰNG ĐƯỜNG BIỂN**



**GIAO NHẬN VẬN TẢI
ĐƯỜNG BIỂN, HÀNG
KHÔNG VÀ ĐƯỜNG BỘ**



ĐẠI LÝ TÀU BIỂN



**THUÊ TÀU, CHO THUÊ TÀU
VÀ MÔI GIỚI THUÊ TÀU**



**KINH DOANH KHO BÃI
VÀ CONTAINER**



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



**HUÂN CHƯƠNG
ĐỘC LẬP**



**ĐƠN VỊ ANH HÙNG
LAO ĐỘNG**



**CÚP VÀNG
DOANH NGHIỆP**



**CHỨNG CHỈ
ISO 9001-2008**

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

1963

“Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht” được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.

1984

Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành “Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht” theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ).

1991

Được đổi tên thành “Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht”

2003

Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ: Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ GTVT.

2005

Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty.

2006

Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

2006

*Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán: **VFR***

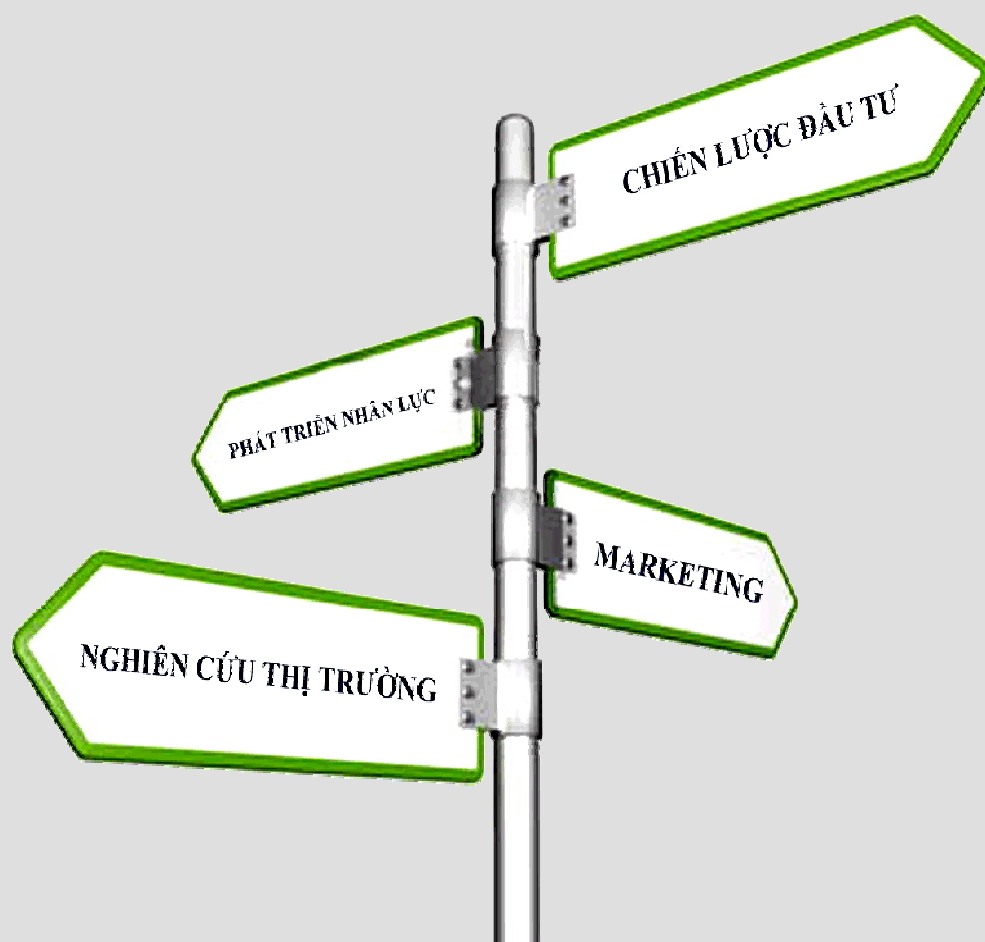
ĐỊNH HƯỚNG P H Á T T R I Ê N

Phấn đấu trở thành một trong số doanh nghiệp hiệu quả cao và tiêu biểu của Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển và dịch vụ hàng hải. Không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm tối đa hoá lợi ích của cổ đông;

Song song với hiệu quả SXKD, chú trọng cải thiện điều kiện và môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn duy trì - phát triển uy tín, hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.

Công ty tích cực tham gia công tác xã hội, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Ngân sách NN và Xã hội.



TỔNG QUAN CÔNG TY NĂM 2011

1. Tình hình kinh tế thế giới năm 2011

Năm 2011 là năm khủng hoảng thứ 3 liên tiếp và trầm trọng nhất với nhiều biến cố bất thường về kinh tế, tự nhiên và xã hội, như: Tình trạng nợ công lan rộng tại các nước Châu Âu mà chưa có biện pháp hữu hiệu giải quyết, hệ thống tài chính toàn cầu bất ổn; Thảm họa động đất - sóng thần gây hại chưa từng có tại Nhật Bản; Những biến động chính trị - xã hội trầm trọng tại một loạt nước ở Bắc Phi và Trung Đông (Ai Cập, Lybi, Iran, Xiry)... Hậu quả là nền sản xuất và thương mại toàn cầu bị suy giảm mạnh, tốc độ tăng trưởng của các nước bị chậm lại, thị trường tài chính thế giới chao đảo, bất ổn... gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống cộng đồng, thu nhập của người dân giảm, tỷ lệ thất nghiệp tăng, nhiều doanh nghiệp bị phá sản hoặc bên bờ vực phá sản...

2. Thị trường hàng hải thế giới năm 2011

Năm 2010, thị trường vận tải biển quốc tế đã có những dấu hiệu phục hồi nhẹ, nhu cầu vận chuyển những mặt hàng nguyên liệu thô như than đá, quặng tăng lên khiến chỉ số giá cước - BDI có thời điểm đạt được mốc 4.000 điểm. Tuy nhiên, kể từ quý III/2011 đến hết năm 2011 giá cước, giá cho thuê tàu định hạn liên tục giảm trái với kỳ vọng của nhiều chủ tàu, chỉ số BDI dao động trong khoảng 1.000 – 2.000 điểm (giảm trung bình 46%). Nguyên nhân chính là sự mất cân bằng về cung trọng tải và nhu cầu hàng hóa vận chuyển, lượng tàu đặt đóng mới trong giai đoạn cực thịnh của thị trường (từ 2008 trở về trước) đã bắt đầu tham gia vào thị trường, các tàu dầu đáy đơn hoán cải thành tàu chở hàng đã tạo ra một lượng tải dư thừa đột biến.

Trong khi đó các chi phí đầu vào đều tăng hoặc giữ ở mức cao như lãi vay, chênh lệch tỷ giá, vật tư, sửa chữa, bảo hiểm và đặc biệt là giá nhiên liệu lại tăng rất cao (quý 3/2011 giá FO/DO tăng lên 700/1000 USD/tấn, trong khi năm 2010 giá chỉ là 430/625 USD/tấn, tăng trung bình 44%). Đó là những biến động rất bất lợi và kỳ lạ trong ngành hàng hải, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty, nơi dành tỷ trọng vốn đầu tư lớn nhất vào lĩnh vực vận tải biển.

3. Kinh tế Việt Nam 2011

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2011 khó khăn hơn so với năm 2010 biểu hiện ở các chỉ số kinh tế cơ bản đạt được đều kém hơn năm 2010 như sau: Tăng trưởng GDP đạt gần 5,9% thấp hơn năm trước (đạt 6,8%); tỷ lệ lạm phát là 18,6% cao hơn năm trước (là 11,75%); nhập siêu lớn, các tập đoàn nhà nước hoạt động kém hiệu quả. Thị trường tài chính, tiền tệ bị thắt chặt, lãi suất ngân hàng cao (trên 20%/năm với VNĐ, xấp xỉ 8%/năm với USD), đồng nội tệ tiếp tục mất giá (tỷ giá VNĐ/USD là 21.030 so với 19.600 của năm 2010), thị trường chứng khoán sụt giảm sâu (VN-Index là 352 điểm so với năm trước là 485 điểm)... Làm cho phần lớn các ngành, các doanh nghiệp sản xuất bị ảnh hưởng, sản xuất bị trì trệ, lợi nhuận bị giảm sút, đời sống cán bộ - nhân viên gặp nhiều khó khăn.

4. Bối cảnh Công ty - Những khó khăn

+ Năm 2011, nền kinh tế nói chung, thị trường hàng hải nói riêng bị trì trệ đã làm cho mảng vận tải biển – lĩnh vực kinh doanh chủ lực của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng, làm sụt giảm kết quả SXKD chung của toàn Công ty. Bên cạnh đó, hiện trạng cơ sở

vật chất phục vụ sản xuất của Công ty vẫn tồn tại ở tình trạng yếu và thiếu trong suốt những năm qua là một thách thức không nhỏ trong việc duy trì và thúc đẩy sản xuất.

+ Bước sang năm 2011, tuy Công ty kế thừa kết quả SXKD tốt của năm 2010 (cao hơn năm 2009), nhưng cũng phải gánh theo một số yếu tố tài chính bất lợi hơn - đó là tỷ lệ nợ vay cao hơn, hệ số thanh toán yếu hơn, nguồn vốn lưu động giảm. Ngoài ra, Công ty bị mất thêm một số dịch vụ và khách hàng nước ngoài do lộ trình hội nhập mở cửa của Việt Nam, họ tách ra tự cung cấp dịch vụ hoặc liên kết với những đối tác có cơ sở vật chất tốt hơn... Năm 2011, chúng ta cũng không còn hoặc giảm tỷ lệ vốn góp tại 02 công ty có hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua là Liên doanh CSS tại Singapo và Công ty CP Dịch vụ hàng hoá Nội Bài - NCTS.

+ Song, với thương hiệu và truyền thống vốn có và với tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt khó của đội ngũ CBCNV và dưới sự chỉ đạo sát sao quyết liệt của Ban lãnh đạo, cùng các giải pháp tái cơ cấu tài sản kịp thời, nên Công ty đã vượt qua khó khăn, đứng vững và đạt được thành tích khả quan trong năm 2011.

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2011**1.1. Những nét lớn trong hoạt động của Công ty**

- Ngày 20/4/2011 Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2011, đồng thời là Đại hội kết thúc nhiệm kỳ 2006-2011 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS). Đại hội đã tiến hành tổng kết công tác của nhiệm kỳ 2006 – 2011 và bầu ra HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới 2011 – 2016.

- Năm 2011, cũng đánh dấu bước chuyển tiếp thể hệ lãnh đạo trong Ban điều hành Công ty, cả hai đồng chí phó tổng giám đốc có nhiều kinh nghiệm trong công tác vận tải biển và giao nhận vận tải đã được nghỉ hưu. Tổng giám đốc đã trình HĐQT bổ nhiệm 03 đ/c phó TGD mới và nâng vị thế của 02 chi nhánh lớn (Vietfracht Hồ Chí Minh và Vietfracht Hải Phòng) bằng việc bổ sung 02 đ/c giám đốc chi nhánh vào Ban giám đốc Công ty.

- Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tái cơ cấu Nhà 22 Phạm Ngọc Thạch – TpHCM đạt hiệu quả cao, thu về khoản lợi nhuận bất thường khá lớn kịp thời bổ sung nguồn vốn cần thiết cho nhu cầu đầu tư và phát triển SXKD của Công ty.

- Tranh thủ cơ hội đối tác Nhật bản có nhu cầu thuê tàu dài hạn với giá thuê hấp dẫn , trong điều kiện công ty có được nguồn vốn từ việc tái cơ cấu tài sản để làm vốn đối ứng và giá mua tàu biển đang ở mức thấp, Công ty đã đầu tư thành công tàu hàng khô Oriental Princess (đổi thành Blue Lotus, tải trọng 14.187 DWT, 12 tuổi, đóng tại Nhật Bản, vốn đầu tư 9,65 triệu USD), nâng tổng số tàu của Công ty lên 5 chiếc với tổng trọng tải 4,8 vạn DWT. Ngay sau khi tiếp nhận, con tàu này đã được đối tác Nhật bản thuê định hạn trong thời gian 02 năm với giá thuê khá cao so với thị trường và chỉ trong vòng 6 tháng hoạt động kể từ 1/7/2011 đến 31/12/2011 mang lại khoản lợi nhuận trên 4,18 tỷ đồng cho Công ty.

- Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh đội tàu trong bối cảnh thị trường hàng hải suy thoái kéo dài Công ty đã có quyết định thực hiện đề án tái cơ cấu đội tàu, theo đó quyết định bán 2 tàu là Vietfracht 01, VF Glory là những tàu già, tàu kinh doanh kém hiệu quả để cải thiện tình hình tài chính của Công ty.

- Trong năm 2011, Công ty đã thành lập mới Phòng Marketing để tăng cường hoạt động tiếp thị, duy trì và phát triển thêm khách hàng của khối dịch vụ hàng hải. Đồng thời hoàn tất việc giải thể Chi nhánh Vietfracht Vinh và đang làm các thủ tục giải thể Chi nhánh Vietfracht Cần Thơ vì phạm vi kinh doanh của Công ty tại các địa phương này bị thu hẹp, làm ăn không có lãi, nếu sau này có điều kiện phát triển thị trường tại các khu vực này sẽ thành lập lại.

- Công ty đã bổ sung, sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế trả lương Công ty để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

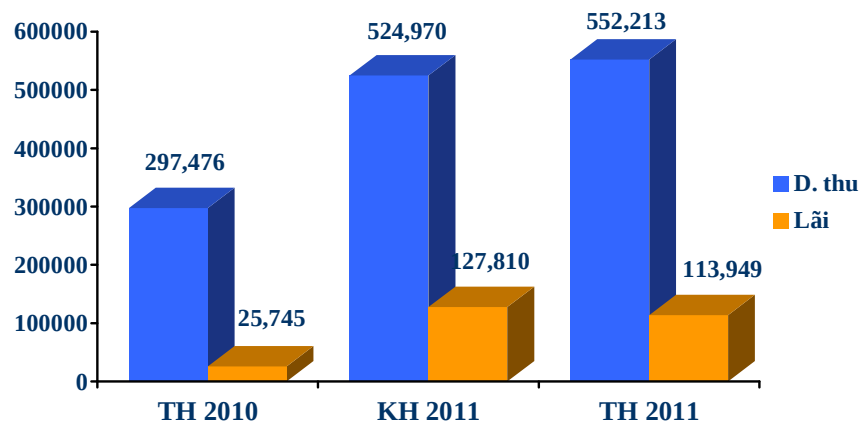
- Công tác chuẩn bị cho Lễ 50 năm thành lập Vietfracht (vào ngày 18/02/2013) đang được tích cực xúc tiến, triển khai với việc thành lập Ban chỉ đạo, các Tiểu Ban chuẩn bị và có kế hoạch cụ thể được phân công đến từng thành viên.

1.2. Kết quả tài chính toàn Công ty (tỷ đồng)

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện 2011	So với TH 2010		So với Kế hoạch 2011	
			TH 2010	%	KH 2011	%
1	Tổng doanh thu	552,21	297,47	185,64%	524,97	105,19%
2	Tổng chi phí	438,26	271,73	161,29%	397,17	110,35%
3	LN trước thuế	113,95	25,74	442,70%	127,81	89,16%
4	LN sau thuế	73,95	22,71	325,63%	87,86	84,16%
5	Tỷ suất LNST/Vốn ĐL	49,30%	15,14%	+ 34,16%	58,57%	- 9,27%

Biểu đồ doanh thu và lợi nhuận Công ty trong 2011 :

(Tỷ đồng)



- **So với kết quả thực hiện năm 2010 :** Các chỉ tiêu tài chính đạt được trong năm 2011 đều vượt từ gần 2 lần đến 4 lần năm trước, cụ thể: Doanh thu năm 2011 bằng 185,66%, Lợi nhuận trước thuế tăng cao gấp 4,43 lần năm trước, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Điều lệ đạt 49,3%, cao hơn 3 lần so với năm 2010 (đạt 15,14%). Doanh thu và lợi nhuận tăng cao đột biến là do kết quả của việc đầu tư mua thêm 01 tàu (tàu Blue Lotus) và thu nhập bất thường từ việc tái cơ cấu tài sản. Đây là kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay của Công ty và là thành công của chủ trương tái cơ cấu tài sản, mang lại khoản lợi nhuận bất thường lớn (130 tỷ đồng), đáp ứng kịp thời nhu cầu đầu tư và SXKD của Công ty.

- **So sánh kết quả thực hiện năm 2011 với Kế hoạch (KH) đề ra:** Mặc dù tổng doanh thu năm 2011 vượt 5,2% KH, nhưng Lợi nhuận trước thuế năm 2011 chỉ đạt 89,19% kế hoạch đề ra. Đây là năm đầu tiên trong lịch sử gần 50 năm hoạt động Công ty không đạt kế hoạch kinh doanh . Ba nguyên nhân chính dẫn đến việc không đạt kế hoạch tài chính là do yếu tố thị trường vận tải biển suy thoái, giá nhiên liệu tăng cao và đặc biệt là khoản chi phí tài chính tăng cao do lãi suất tiền vay cao và chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ vay ngân hàng lớn, cụ thể là:

+ Thị trường vận tải biển năm thứ ba liên tiếp chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, thậm chí có phần trầm trọng hơn trong năm 2011. Nhu cầu

vận chuyển hàng hóa thương mại suy giảm trong khi nguồn cung trọng tải tàu dư thừa dẫn đến việc giá cước vận chuyển, giá cho thuê tàu hạ rất thấp (chỉ số BDI trung bình năm 2011 là 1556 điểm, thấp nhất là 1186 điểm, trong khi mức BDI cuối năm 2010 là 2750 điểm, giảm trung bình 46 %), làm cho doanh thu đội tàu giảm.

+ Giá nhiên liệu, chi phí chủ yếu trong giá thành của nghiệp vụ vận tải biển năm 2011 tăng trung bình khoảng 44% so với năm 2010 (giá FO/DO trong quý 3/2011 tăng lên 700/1000 USD/tấn, so với giá năm 2010 là 430/625 USD/tấn).

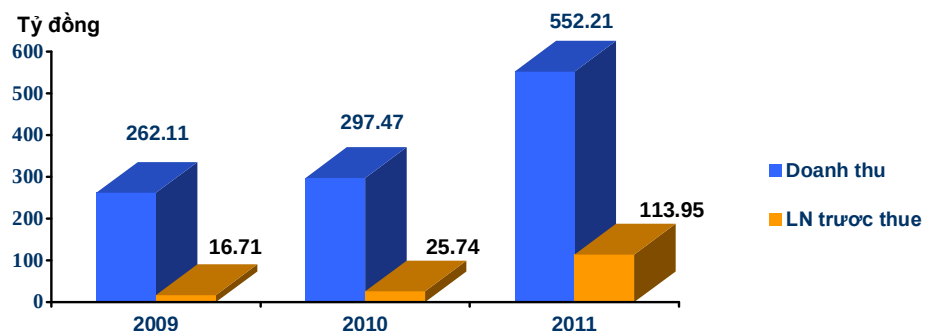
+ Chi phí huy động vốn của Công ty năm 2011 tăng cao tới trên - 47 tỷ đ. trong đó trả lãi vay ngân hàng là - 18,6 tỷ đ, lỗ chênh lệch tỷ giá là - 29 tỷ đ.

+ Ngoài những nguyên nhân khách quan nói trên, HĐQT và Ban điều hành cũng nghiêm túc kiểm điểm và nhận trách nhiệm trước các cổ đông trong việc chưa dự báo hết những biến động xấu của thị trường vận tải biển, cũng như những hạn chế cần phải khắc phục trong công tác kinh doanh khai thác tàu, công tác quản lý kỹ thuật đội tàu và quản lý thuyền viên...

- **Điểm qua tình hình hoạt động của các nghiệp vụ kinh doanh năm 2011:** Nhìn chung, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2011, song các mảng nghiệp vụ kinh doanh của Công ty đều hoạt động có lãi, tuy nhiên mức lãi này đều bị giảm một phần so với năm 2010. Ngoài các nghiệp vụ đạt lợi nhuận bằng hoặc xấp xỉ năm trước là Kho bãi, Cho thuê văn phòng, Đại lý tàu và đại lý container; còn các nghiệp vụ bị giảm lợi nhuận là hai mảng Giao nhận vận tải và Vận tải biển, riêng nghiệp vụ tài chính bị giảm lợi nhuận mạnh nhất so với năm trước do chi phí huy động vốn (gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá tiền vay ngân hàng) tăng mạnh. Kết quả các nghiệp vụ kinh doanh truyền thống bị suy giảm nói trên chủ yếu là do yếu tố khách quan về thị trường đem lại, tuy nhiên, HĐQT và Ban điều hành cũng nghiêm túc kiểm điểm và nhận trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh này.

1.3. Kết quả kinh doanh của Công ty 3 năm gần đây

Nhìn lại 3 năm qua, thấy rõ kết quả kinh doanh các năm sau đều cao hơn năm trước cả về Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế, trong đó năm 2011 có kết quả cao vượt hẳn so với các năm trước. Đó là kết quả của sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của ban lãnh đạo Công ty, sự tìm tòi, định ra các giải pháp kinh doanh tình thế, là kết quả của toàn thể CBCNV trong việc nỗ lực cố gắng, phấn đấu vượt khó trong SXKD, nhằm duy trì và phát triển Công ty trong những hoàn cảnh rất khó khăn.



II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2011

2.1. Về sự thay đổi nhân sự trong HĐQT và BKS

Ngày 20/4/2011, ĐHĐCĐ thường niên đồng thời là Đại hội kết thúc nhiệm kỳ 2006-2011 đã tiến hành tổng kết công tác nhiệm kỳ 2006 – 2011 và bầu ra HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới với các thành viên sau đây:

*** Các Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011-2016:**

1. Ông Trần Văn Quý, nguyên Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2006 – 2011.
2. Ông Ngô Xuân Hồng – TGD Công ty, nguyên UV HĐQT nhiệm kỳ 2006 – 2011
3. Ông Nguyễn Trọng Hiền - Cán bộ Ban Đầu tư 2, TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, nguyên là TV BKS nhiệm kỳ 2006 – 2011.
4. Ông Ngô Minh Thuấn - Phó TGD TCTy Tân Cảng Sài Gòn .
5. Ông Nguyễn Quang Thoại – Nguyên Phó TGD Công ty, nguyên Phó CT HĐQT nhiệm kỳ 2006 – 2011.

*** Các thành viên Ban Kiểm soát:**

1. Bà Kiều Bích Hoa - Cán bộ Ban Đầu tư 2, TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn NN.
2. Ông Nguyễn Giang Tiến – nguyên Phó TGD và nguyên Chủ tịch Công Đoàn Cty.
3. Ông Nguyễn Tuấn Anh, nguyên TV BKS nhiệm kỳ 2006 – 2011.

*** Về sự thay đổi cơ cấu tổ chức của HĐQT:**

- Ngay sau khi được Đại Hội đồng cổ đông bầu, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới đã tiến hành họp và nhất trí bầu ông Trần Văn Quý, nguyên Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2006-2011 tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2011-2016 và quyết định thay đổi một số vấn đề liên quan đến cơ cấu bộ máy HĐQT cho phù hợp với tình hình mới, cụ thể: không duy trì chức vụ Phó chủ tịch HĐQT và Thường trực HĐQT nhằm phát huy trí tuệ của tất cả các thành viên trong HĐQT.

- HĐQT đã chỉ định ông Đặng Việt Dũng, Trưởng Ban Thư ký Công ty làm kiêm nhiệm Thư ký HĐQT và thống nhất sẽ hình thành bộ máy giúp việc chuyên trách và chuyên nghiệp cho HĐQT vào thời gian tới khi có điều kiện để nâng cao hiệu quả và hiệu lực công tác của HĐQT.

2.2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT năm 2011

- Năm 2011 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ 2011 – 2016. Trong số 5 thành viên HĐQT, chỉ có 1 thành viên công tác ở Tp HCM, còn lại 4 thành viên làm việc tại Hà Nội, trong đó đồng chí Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách HĐQT ngay tại Công ty nên sự chỉ đạo, quản lý của HĐQT là liên tục và trực tiếp. Việc áp dụng hình thức họp trực tuyến đã đơn giản hoá sự đi lại tốn kém của các thành viên HĐQT ở xa và đảm bảo các cuộc họp HĐQT luôn đảm bảo đông đủ đại biểu. Công ty đã có sự phân tách giữa quản lý và điều hành từ năm 2010, nên đã mang lại hiệu quả tốt trong công tác quản lý điều hành các hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Có sự phối hợp tốt giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong xử lý công việc, đáp ứng kịp thời các yêu cầu sản xuất kinh doanh Công ty. Bên cạnh đó HĐQT luôn hoạt động trên quan điểm bảo vệ các lợi ích chính đáng của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và giám sát của mình, trong năm 2011 HĐQT đã ban hành 9 Nghị quyết và một số quyết định chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

- Bên cạnh những ưu điểm, HĐQT cũng nhìn nhận rõ các tồn tại của mình, như việc phân tích và đánh giá các diễn biến vĩ mô của nền kinh tế trong và ngoài nước còn hạn chế, chưa lường hết được những khó khăn kéo dài do tác động khách quan của thị trường, dẫn đến việc lập và giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho Công ty chưa sát với thực tế.

III. PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC CỦA HĐQT NĂM 2012

3.1. Đánh giá những khó khăn và thuận lợi.

*** Những khó khăn chủ yếu:**

+ Tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2012 còn rất nhiều bất ổn, đầy thách thức. Thị trường hàng hải vẫn rất bất ổn, giá cước vận tải vẫn giữ ở mức rất thấp trong khi giá dầu tiếp tục leo thang do tình hình khủng hoảng chính trị tại một số nước ở khu vực giàu dầu lửa.

+ Bên cạnh đó Công ty tiếp tục chịu sức ép về lãi suất tiền vay, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ cũng như sự mất cân đối về tài chính và thiếu vốn lưu động. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh đội tàu Công ty - mảng chủ lực, với tỷ trọng tài sản và vốn đầu tư lớn nhất của Công ty.

*** Những thuận lợi cơ bản:**

+ Công ty có sẵn thương hiệu và truyền đoàn kết, nỗ lực vượt khó của đội ngũ CBCNV và sự chỉ đạo sát sao quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty. Các đơn vị đã từng bước thích nghi với các khó khăn, phát kiến những giải pháp tháo gỡ, vượt qua khó khăn.

+ Về lĩnh vực Vận tải biển: Trong năm 2012 chi phí sửa chữa tàu sẽ giảm đáng kể vì 4 trong tổng số 5 tàu của Công ty đã được lên đà sửa chữa lớn trong năm 2011. Bên cạnh đó số tiền vay cũng đã giảm được một phần do đã trả bớt cho ngân hàng. Mặt khác, Công ty đang tích cực tái cơ cấu đội tàu.

+ Công ty có sự hỗ trợ hiệu quả của TCty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) - cổ đông chi phối của Công ty, trong việc chỉ đạo, định hướng phát triển Công ty.

3.2. Chiến lược của Công ty trong những năm tới

Trước tình hình kinh tế khó khăn kéo dài, Công ty xác định *chiến lược kinh doanh* cho những năm sắp tới như sau:

+ Tập trung phát triển hệ thống kho tàng bến bãi, phương tiện vận tải bộ, thiết bị xếp dỡ tại các cảng chính của đất nước như khu vực TP Hồ Chí Minh - Đồng Nai, Hải Phòng và Đà Nẵng.

+ Tái cơ cấu đội tàu để nâng cao hiệu quả kinh doanh vận tải biển, đồng thời chuyển hướng dần từ kinh doanh vận chuyển hàng rời sang vận chuyển hàng container, lấy dịch vụ vận chuyển container làm trung tâm kết nối với hệ thống kho bãi giữa các cơ sở của Công ty tại các cảng chính của đất nước, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải – logistics.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

+ Chú trọng hợp tác – liên kết với các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty để tạo sức mạnh chung nhằm xây dựng các sản phẩm dịch vụ trọn gói, hiệu quả cao.

+ Đẩy nhanh tiến độ xin chủ quyền đối với các địa điểm nhà đất có vị trí đẹp đang thuê của Nhà nước, để có đủ điều kiện đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng khai thác các địa điểm này.

*** Các chỉ tiêu tài chính Công ty năm 2012 (tỷ đồng):**

Các Chỉ tiêu chính	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	So sánh KH 2012/TH 2011
Tổng doanh thu	552,210	402,100	72,82%
Tổng chi phí	438,260	402,030	91,73%
LN trước thuế	113,950	69	0,06%
LN sau thuế	73,950	69	0,09%

3.3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2012

+ Theo dõi, quản lý và chỉ đạo sát sao những hoạt động SXKD của Công ty đặc biệt quan tâm mảng kinh doanh vận tải biển, đồng thời phối hợp với Ban Điều hành trong việc nghiên cứu, tìm các giải pháp phát để làm lành mạnh các cân đối tài chính Công ty...

+ Duy trì sự phối hợp tốt giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Giám đốc trong việc chỉ đạo, theo dõi và giải quyết các công việc của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm nâng cao vai trò, hiệu quả của HĐQT, đồng thời đáp ứng kịp thời các yêu cầu đầu tư và SXKD của Công ty.

+ Tiếp tục xem xét, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự cấp cao của Công ty nhằm hoàn thiện hơn mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, bảo đảm sự phù hợp và hiệu quả nhất, tạo điều kiện để phát triển bền vững Công ty.

+ Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi các quy chế nội bộ Công ty như Quy chế Quản trị, Đầu tư, Tài chính... cho phù hợp với tình hình mới và nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trong công tác quản lý ./.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2011

1.1. Tình hình Công ty năm 2011

Như đã phân tích trên đây, năm 2011 là một năm cực kỳ khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và các đơn vị hàng hải nói riêng. Theo số liệu thống kê thì nhu cầu vận chuyển chỉ tăng 5%, trong khi đó tổng trọng tải đội tàu thế giới đã tăng 14% gây mất cân đối trầm trọng giữa cung tàu và cầu hàng hóa vận chuyển. Giá cước giảm sâu chưa từng thấy, các chi phí SXKD, chi phí vốn tăng cao kỷ lục kéo chỉ số BDI chỉ đạt mức bình quân 1.548 điểm giảm 46% so với năm 2010.

Ngành dịch vụ hàng hải cũng suy giảm mạnh do: số lượng tàu đến các cảng Việt Nam giảm do không có nhiều hàng hóa vận tải đặc biệt là tàu hàng rời, các hãng tàu container thua lỗ nặng nề nên hoặc là phải bỏ tuyến khai thác hoặc là yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giảm mạnh giá dịch vụ; chi phí xăng dầu, chi phí vốn đều tăng cao nên các nghiệp vụ truyền thống của Công ty như giao nhận vận tải, kinh doanh kho bãi, ... đều gặp khó khăn.

Tuy nhiên, với truyền thống đoàn kết, sáng tạo vượt qua khó khăn của thương hiệu VIETFRACHT 50 năm xây dựng và trưởng thành, năm 2011 Công ty đã đạt được những kết quả SXKD rất đáng khích lệ, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Cụ thể như sau :

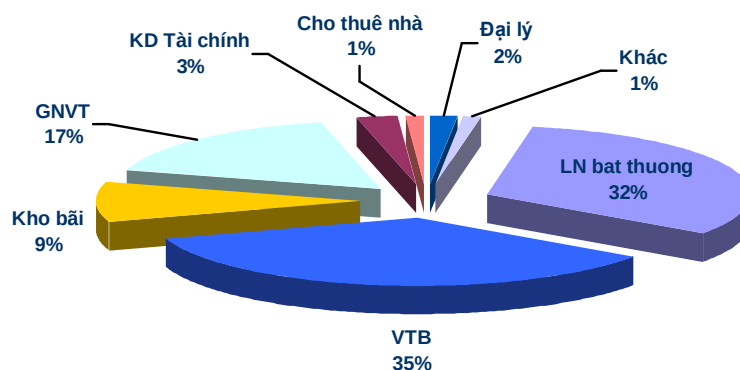
1.2. Kết quả tài chính Công ty năm 2011

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>					
STT	Chỉ tiêu	TH 2010	KH 2011	TH 2011	So sánh TH/KH
I	SXKD chính				
1.1	Doanh thu	273.522	344.471	355.258	103,1%
	- Vận tải biển	103.261	170.187	195.021	114,6%
	- Dịch vụ hàng hải	170.261	174.284	160.237	91,9%
1.2	Chi phí	248.374	328.620	338.340	103,0%
	- Vận tải biển	95.165	166.591	193.053	115,9%
	- Dịch vụ hàng hải	153.209	162.029	145.287	89,7%
1.3	Lợi nhuận	25.148	15.851	16.918	106,7%
	- Vận tải biển	8.096	3.596	1.968	54,7%
	- Dịch vụ hàng hải	17.052	12.255	14.950	122,0%
II	KD tài chính				
2.1	Doanh thu	16.968	4.702	14.310	304,3%
2.2	Chi phí	18.748	32.979	47.520	144,1%
2.3	Lợi nhuận	-1.780	-28.277	-33.210	117,4%
III	Bất thường				
3.1	Doanh thu	6.980	175.800	182.713	103,9%
3.2	Chi phí	4.606	35.568	52.479	147,5%
3.3	Lợi nhuận	2.374	140.232	130.234	92,9%
IV	Lợi nhuận trước thuế	25.742	127.806	113.942	89,2%
V	Thuế thu nhập DN	3.035	39.947	39.996	100,1%
VI	Lợi nhuận sau thuế	22.707	87.859	73.946	84,2%

1.3. Một số hệ số tài chính năm 2011:

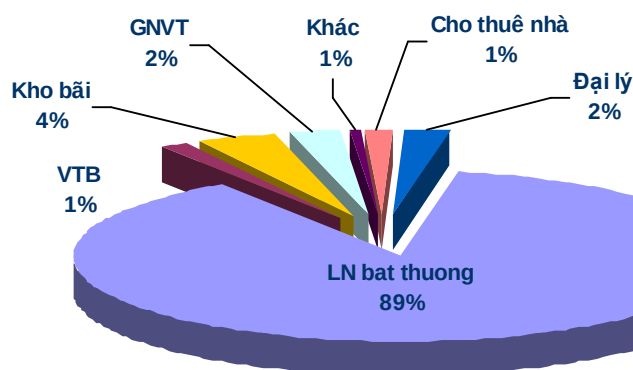
TT	Một số Hệ số tài chính	Năm 2011	Năm 2010	So sánh 2011/2010
1	LNTT / Doanh thu	20,64%	8,65%	tốt hơn
2	LNST/ Doanh thu	13,39%	7,63%	tốt hơn
3	LNST/ Vốn chủ sở hữu	28,40%	10,88%	tốt hơn
4	TS dài hạn/ Tổng TS	84,88%	82,41%	Xấp xỉ nhau
5	TS ngắn hạn/ Tổng TS	15,12%	17,59%	Xấp xỉ nhau
6	Tổng nợ/ Tổng nguồn vốn	64,44%	64,25%	Xấp xỉ nhau
7	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	35,56%	35,75%	Xấp xỉ nhau
8	Hệ số thanh toán	0,77	0,65	Khá hơn
9	Hệ số thanh toán nhanh	0,39	0,32	Khá hơn

1.4. Biểu đồ Cơ cấu doanh thu năm 2011 (%):

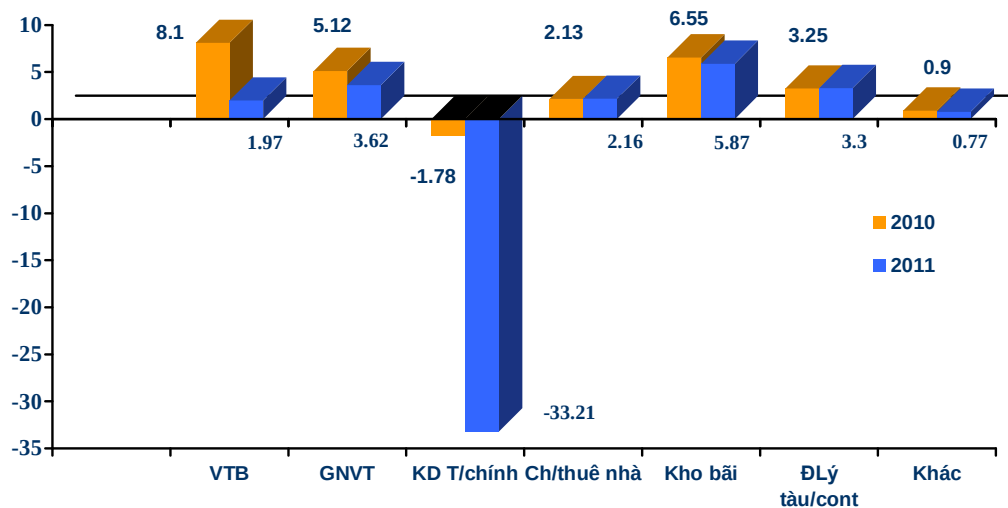


1.5. Biểu đồ Cơ cấu lợi nhuận năm 2011 (%):

(Không đưa vào khoản lỗ k/d tài chính – 33,21 tỷ đ):



1.6. Biểu đồ Lợi nhuận của các nghiệp vụ k/d 2011 so với 2010 (tỷ đồng):

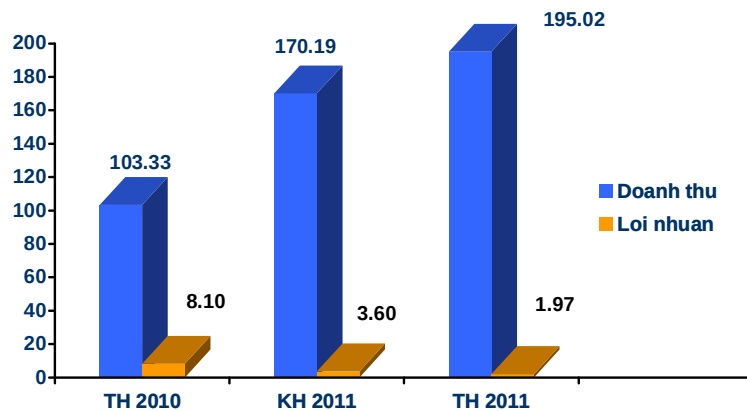


Qua phân tích số liệu trên đây ta thấy :

1. Các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế đều tăng cao so với năm 2010. So với kế hoạch được giao thì các nghiệp vụ SXKD chính cũng hoàn thành, tuy nhiên do khi xây dựng kế hoạch Ban điều hành đã không lường trước được sự biến động của lãi suất tiền vay USD và đặc biệt là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá, chính vì vậy khoản thiệt hụt 13,864 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch thực chất là do chi phí tài chính thực tế đã tăng lên đến 14,541 tỷ đồng.
2. Trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn như năm qua, nhưng các đơn vị kinh doanh của Công ty đều hết sức cố gắng duy trì SXKD đảm bảo có lãi, một số đơn vị hoàn thành kế hoạch được ở mức cao như: Vietfracht Quảng Ninh, Vietfracht Hồ Chí Minh và Vietfracht Hải Phòng. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết đều có lãi, đảm bảo chia cổ tức cho Công ty mẹ vượt mức kế hoạch.
3. Chủ trương khôi phục lại nghiệp vụ khai thác tàu biển là hoàn toàn đúng đắn và thực sự đã phát huy hiệu quả trong thời gian qua khi giá cho thuê các tàu già, tàu đóng tại Trung quốc xuống thấp chưa từng thấy hoặc nếu cho thuê thì sẽ gặp rất nhiều rủi ro như các chủ tàu Việt nam đã gặp phải.
4. Năng lực tài chính của Công ty đã xuống rất thấp, không còn phù hợp với năng lực kinh doanh. Sự thiếu hụt dòng tiền đã làm ảnh hưởng lớn đến tất cả các nghiệp vụ kinh doanh do thiếu vốn lưu động, trong năm chúng ta đã phải vay vốn lưu động để trả tiền sửa chữa tàu, trả lương cho cán bộ, ... với mức lãi suất rất cao, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

1.7. Phân tích tình hình hoạt động của các nghiệp vụ k/d năm 2011

- Về nghiệp vụ Vận tải biển (tỷ đồng):



Như đã báo cáo ở trên do giá cước vận tải giảm sâu, các chi phí đều tăng cao nên kết quả SXKD của đội tàu năm 2011 chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Tuy vậy nếu so sánh với năm 2010 không có tàu nào lên đà, năm 2011 đội tàu của Công ty có 04 tàu lên đà sửa chữa lớn định kỳ và 01 tàu phải lên đà do tai nạn đâm va với tổng chi phí là 34,6 tỷ đồng (trong đó: mất ngày doanh vận - giảm doanh thu là 10,8 đồng và tăng chi phí 23,8 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận đạt 1,97 tỷ đồng tức là chỉ giảm 6,13 tỷ đồng so với năm 2010. Đạt được thành tích này là do :

- Đội ngũ cán bộ khai thác của Công ty đã được tăng cường kể cả về số lượng và chất lượng.
- Công tác quản lý kỹ thuật đội tàu đã được cải tiến.
- Đội ngũ sỹ quan thuyền viên làm việc trên các tàu có chất lượng hơn.

Tuy nhiên, chúng ta cũng tự nhận thấy còn rất nhiều khiếm khuyết làm ảnh hưởng tới kết quả SXKD cần được phân tích, rút kinh nghiệm như: thời gian tàu nằm chờ cầu, chờ hàng còn cao; khâu quản lý kỹ thuật còn yếu, đặc biệt là việc tổ chức quản lý theo Bộ luật QLAT còn phải mạnh dạn cải tiến đi vào chất lượng hơn; chế độ đãi ngộ với những chuyên viên kỹ thuật chưa thật tốt, vì vậy mà có những thời điểm cả phòng QLT không còn một chuyên viên kỹ thuật nào, phải huy động thuyền viên dự trữ xuống tàu giám sát sửa chữa; vẫn còn những sỹ quan thuyền viên có tay nghề chưa cao, chưa tận tâm với công việc, ...

- **Về nghiệp vụ Giao nhận vận tải (GNVT, tỷ đồng):** Nghiệp vụ GNVT năm 2011 có lợi nhuận chỉ bằng 71% năm trước do môi trường kinh doanh kém thuận lợi, lượng hàng hoá XNK giảm, cạnh tranh mạnh, trong khi đó cơ sở vật chất phục vụ dịch vụ này còn thiếu. Khâu marketing tuy đã được đầu tư về nhân lực nhưng cũng chưa phát huy được hiệu quả như mong muốn. Bên cạnh đó, một số khách hàng nước ngoài đã chuyển sang liên doanh (như Dimerco, Hankyu Hanshin) đang dần tách ra tự làm hoặc thuê các đơn vị có cơ sở vật chất mạnh hơn để thực hiện dịch vụ giao nhận - theo lộ trình chung về mở cửa hội nhập kinh tế của Việt Nam. Do vậy mảng GNVT khó có điều kiện phát triển bền vững, nếu không được chú trọng đầu tư thêm.

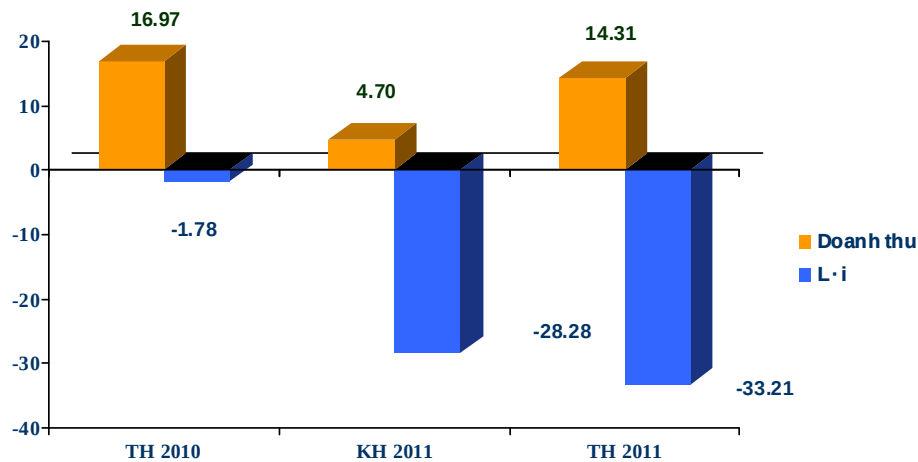
- **Về Nghiệp vụ kho bãi (tỷ đồng):** Nghiệp vụ kinh doanh kho bãi cũng bị giảm sút lợi nhuận một chút, một phần do môi trường kinh doanh xấu, một phần do phát sinh những khó khăn đặc thù của từng địa phương, cụ thể: Tại Vietfracht Hải Phòng, đường sá giao thông từ vị trí kho bãi đến cảng thường xuyên bị ùn tắc (Thành phố Hải Phòng đang cải tạo

đường nối với Đình Vũ); còn tại khu vực phía Nam, do ta không có kho bãi, phải đi thuê ngoài với giá thuê ngày càng tăng, cộng thêm sự không ổn định. Trong năm Công ty tiếp tục mất thêm khách hàng do họ tìm đến thuê kho bãi trực tiếp với chủ kho bãi, không cần thông qua Vietfracht nữa.

- **Nghệp vụ Đại lý tàu và Đại lý container (tỷ đồng):** Nghiệp vụ này đã có nhiều cố gắng để duy trì được mức lợi nhuận như năm trước, tuy nhiên thời gian tới do mức độ cạnh tranh rất cao nên sẽ dễ dàng bị mất khách hàng nếu không có biện pháp hữu hiệu giữ chân và phát triển thêm khách hàng.

- **Công tác đầu tư xây dựng và cho thuê nhà (tỷ đồng):** Hoạt động cho thuê nhà cũng chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, chịu sự cạnh tranh cao, chi phí đầu vào tăng, tuy năm 2011 doanh thu có bị giảm, nhưng Công ty đã cố gắng duy trì mức lợi nhuận như năm trước. Hiện Công ty đang triển khai thi công Nhà văn phòng tại 52 Hoà Mã – Hà Nội, cố gắng hoàn thành và đưa vào khai thác vào giữa năm 2012. Đối với số nhà đất hiện đang thuê dài hạn của nhà nước, Công ty đang tiến hành thủ tục xin các giấy tờ pháp lý về chủ quyền để có đủ điều kiện đầu tư phát triển các cơ sở này thành các bất động sản có giá trị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

- **Nghệp vụ kinh doanh tài chính (tỷ đồng):**



Nghệp vụ này bao gồm khoản thu cổ tức từ hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty liên doanh – liên kết, lãi tiền gửi ngân hàng và chi phí huy động vốn vay... Đây là nghiệp vụ duy nhất của Công ty bị lỗ trong năm 2011, mức lỗ cao hơn năm 2010 chủ yếu do thị trường tài chính trong nước tác động xấu. Năm 2011, Công ty thu được 14,31 tỷ đồng (từ hoạt động đầu tư tài chính là 7,58 tỷ đồng, lãi ngân hàng là 4,17 tỷ đồng...), trong khi đó chi phí huy động vốn tăng cao tới 47,60 tỷ đồng (gồm: lãi vay là -18,56 tỷ đồng, lỗ do chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ là -29,03 tỷ đồng).

1.8. Tình hình tài chính Công ty năm 2011 và hiện nay

Với kết quả SXKD năm 2011 cao vượt trội so với năm trước, nên các hệ số tài chính đều khá hơn, đặc biệt các hệ số sinh lời tốt hơn nhiều. Tuy nhiên, các hệ số trên cũng cho thấy các cân đối tài chính Công ty đang bị mất cân đối, cụ thể:

+ Năm 2011 có sự đầu tư tăng tài sản nên tổng giá trị tài sản đạt 732,31 tỷ đ. tăng 25% so với năm 2010, nhưng hệ số tài sản bị mất cân đối là: hệ số tài sản dài hạn chiếm 85% tổng tài sản, trong đó đội tàu chiếm phần lớn, tuy nhiên bộ phận này lại có hiệu quả thấp. Thực vậy, tuy dòng tiền lưu chuyển trong năm của toàn Công ty là rất lớn, nhưng vẫn bị bội chi – 9,2 tỷ đ, trong đó riêng đội tàu bị bội chi – 41,09 tỷ đ. Chính điều này đã làm mất cân đối nguồn vốn và ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty.

+ Năm 2011 nguồn vốn cũng tăng khá, nhưng hệ số nợ 0,64 là quá cao; hệ số vốn chủ sở hữu chỉ là 0,36%. Trong cơ cấu nợ vay, thì các khoản vay ngân hàng chiếm quá nửa và chịu lãi suất vay cao, là yếu tố làm tăng chi phí kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, do tăng trưởng cao về tài sản dài hạn mà Công ty không đủ nguồn vốn dài hạn để tài trợ (thiếu khoảng 20 tỷ đồng, nếu không tính lợi nhuận chưa phân phối thì thiếu 94 tỷ đồng) nên đã phải sử dụng một lượng vốn ngắn hạn để bù đắp, thậm chí phải lấy vốn ngắn hạn để trả nợ ngân hàng cho khoản vay dài hạn. Điều này dẫn đến việc Công ty thường xuyên thiếu vốn lưu động và yếu về khả năng thanh toán. Thực vậy, hiện tại hệ số thanh toán là thấp, chỉ đạt 0,76 (hệ số thanh toán tức thời chỉ ở mức 0,41). Thậm chí, Công ty đã phải đi vay vốn ngắn hạn để trả lương cho thuyền viên...

Do đó, năm 2012 rất cần thiết phải tìm các giải pháp để củng cố năng lực tài chính Công ty, lành mạnh hoá các cân đối tài chính, trước mắt cần xử lý hợp lý vấn đề phân phối lợi nhuận năm 2011, sau đó cần nghiên cứu để phát hành tăng vốn Điều lệ...

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

2.1. Dự báo tình hình kinh tế năm 2012

- **Kinh tế thế giới** được dự báo sẽ khó khăn hơn, trầm trọng hơn trong năm 2012 trước sự lan rộng của tình trạng nợ công tại châu Âu (Hy Lạp đã được coi là vỡ nợ độ 1), tình hình chính trị lại bùng phát căng thẳng tại một số nước (như Xi ry, Iran...) góp phần ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế toàn cầu. Một số chuyên gia kinh tế hàng đầu dự báo: Tình hình hiện nay rất dễ đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào vòng xoáy của cuộc khủng hoảng trầm trọng hơn, tiến sâu vào “một thập kỷ mất mát”. Các Tổ chức quốc tế uy tín có đánh giá bi quan về triển vọng kinh tế năm 2012 bằng việc hạ mức dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế ở khắp các khu vực trên thế giới. Điều đó cho thấy, tình hình năm 2012 là thực sự khó khăn và còn khó khăn hơn năm 2011.

- Các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á đều được dự báo năm 2012 sẽ giảm tốc độ tăng trưởng GDP sau nhiều năm tăng trưởng khá cao, như Trung Quốc, Ấnônêxia, Singapore...

- **Kinh tế Việt Nam:** Mục tiêu của Kinh tế Việt Nam năm 2012 đề ra là: GDP tăng 6 – 6,5%, hạ lạm phát xuống dưới một con số (bằng hoặc dưới 9%), triển khai thực hiện tái cơ cấu 03 lĩnh vực: Đầu tư công, Doanh nghiệp nhà nước và khối Ngân hàng. Để kiềm chế lạm phát, Nhà nước vẫn ưu tiên duy trì chính sách vĩ mô chặt chẽ (cả chính sách tài khoá và tiền tệ), mà đã ưu tiên kiềm chế lạm phát nghĩa là phải hy sinh tăng trưởng. Ngoài ra, khi tái cơ cấu một lĩnh vực lớn (như khối DNNN chẳng hạn) thì đòi hỏi một khoản chi phí khá lớn kèm theo. Bên cạnh đó, các nước quanh ta đều có chính sách hạ tốc độ tăng trưởng GDP... Đó là những yếu tố vĩ mô cho thấy kinh tế Việt Nam năm 2012 sẽ rất khó khăn, có thể còn khó khăn hơn năm 2011.

2.2. Những khó khăn, thách thức của Công ty năm 2012

- Trong khi thị trường vận tải biển tiếp tục trì trệ, nhiều bất ổn, cước phí vận chuyển hạ thấp, giá nhiên liệu và vật tư cao, lãi suất vay cao, thì đội tàu 5 chiếc đang là một gánh nặng, trong đó có những tàu cao tuổi, những tàu kém hiệu quả - mà việc tái cơ cấu chúng trong điều kiện hiện nay gặp nhiều khó khăn (khó bán, hoặc giá bán rất thấp); còn lại những tàu tương đối mới và có chất lượng khá thì phải gánh theo chi phí vốn cao. Có thể nói, cơ thể VTB của Công ty gồm 2 vai đang phải chịu 2 gánh nặng cùng một lúc, thì đôi chân của VTB khó có thể bước đi một cách hiệu quả được. Khâu khai thác, quản lý kỹ thuật và thuyền viên của Công ty đang chịu ảnh hưởng của nề nếp cũ, cũng không dễ cải tiến trong một sớm một chiều... Do vậy, mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh đội tàu trong bối cảnh hiện tại gặp nhiều khó khăn.

- Các dịch vụ khác ở trên bờ cũng có những khó khăn nhất định, bên cạnh việc phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ, các đối tác lâu năm có xu thế tách ra làm riêng (nguy cơ mất thêm công việc, mất thêm khách hàng) thì vẫn còn tồn tại những yếu kém chủ quan của ta là: Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn mỏng chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất; Một bộ phận CBCNV làm dịch vụ chưa thật tích cực, chủ động; Việc tìm địa điểm đẹp để phát triển thêm kho bãi ngày càng khó khăn, hơn nữa quá trình đầu tư xây dựng kéo dài và phải chịu động vốn trong một thời gian dài... là những khó khăn không nhỏ đối với Công ty.

- Một thách thức lớn nữa là năng lực tài chính Công ty rất hạn chế, mất cân đối. Tỷ lệ vay nợ khá cao, vốn chủ sở hữu còn hạn chế - vốn Điều lệ nhỏ, lãi suất vay cao... nên Công ty luôn chịu sức ép trả nợ, việc duy trì vốn lưu động để đáp ứng yêu cầu SXKD hàng ngày cũng là một khó khăn thường trực.

2.3. Mục tiêu năm 2012

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn chung, và xét tới những hạn chế nội tại của Công ty, lãnh đạo Công ty đề ra mục tiêu để phấn đấu trong năm 2012 như sau:

+ Cố gắng duy trì sản xuất, duy trì chất lượng hiệu quả các dịch vụ của Công ty. Nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh đội tàu, năm 2012 nghiệp vụ vận tải biển dự kiến không có lãi nhiều, nhưng phải cố gắng tiết giảm các chi phí, bảo đảm kết quả SXKD chung của toàn Công ty không bị lỗ.

+ Không đầu tư dự án quy mô quá lớn mà dành tiền đầu tư các dự án dở dang, dự án có quy mô nhỏ hoặc trung bình nhưng có hiệu quả chắc chắn và phù hợp với chiến lược kinh doanh đã đề ra.

+ Tập trung các biện pháp để cải thiện các cân đối tài chính của Công ty, như tăng vốn chủ sở hữu, bảo đảm vốn lưu động cho sản xuất, giảm dần tỷ lệ vay nợ, tăng khả năng thanh toán.

2.4. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2012

- Đối với hoạt động Vận tải biển:

+ Do thị trường hàng hải vẫn tiếp diễn rất xấu, cần tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu đội tàu đã được HĐQT phê duyệt ngày 27/12/2011, theo đó cần khẩn trương bán 2 tàu Vietfracht 01 và VF Glory để nhằm giảm lỗ, góp phần làm tăng hiệu quả kinh doanh toàn đội tàu. Tuy nhiên, với thị trường hiện nay chắc chắn giá bán tàu sẽ rất thấp vì vậy mà nhiều khả năng sẽ phát sinh lỗ lớn từ chuyển nhượng tài sản (tàu VF Glory).

+ Đẩy mạnh công tác khai thác tàu theo hướng tìm luồng tuyến, nguồn hàng có hiệu quả cao hơn, khuyến khích nghiên cứu xây dựng định tuyến. Trong thời gian chưa bán được tàu VF Glory cần tập trung tìm hàng phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của tàu này. Nghiên cứu tiếp tục tăng số lượng tàu cho thuê định hạn, nếu có hiệu quả cao hơn và đảm bảo an toàn tránh rủi ro.

+ Công ty sẽ dần chuyển sang hình thức vận chuyển container, bước đầu sẽ đầu tư mua vỏ container, rồi thuê slot để vận chuyển container nội địa, kinh doanh NVOCC, hoặc liên doanh liên kết mở tuyến vận chuyển container nội địa và khu vực Đông Nam Á.

+ Trong hoạt động quản lý tàu cần cải tiến cách quản lý, quản lý phải có bài bản, có kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu sâu sát hơn, hiệu quả hơn, trong đó cần lưu ý quản lý chặt mức tiêu hao nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư để tiết giảm chi phí, giảm thời gian tàu nằm chờ. Đặc biệt *phải dành ưu tiên cao nhất cho quản lý hai chiếc tàu đang cho Daiichi thuê (tàu Thăng Long và Blue Lotus)* vì đây là nguồn thu chủ lực của đội tàu hiện nay. Năm 2012 dự kiến đội tàu không có lãi, nhưng phải cố gắng giữ mức lỗ ở mức tối thiểu mà các nghiệp vụ kinh doanh khác có thể bù đắp được.

+ Tăng cường quản lý có chiều sâu công tác thuyền viên, ngoài việc phải nâng cao năng lực, trình độ thuyền viên, thì cũng cần phải nâng cao bằng được ý thức – tư tưởng thuyền viên, đó là ý thức thông cảm chia sẻ với những khó khăn của Công ty hiện nay, nhận thức được rằng đội tàu đang chịu lỗ nhưng Công ty vẫn bảo đảm mức lương cao cho đội ngũ thuyền viên. Có như vậy mới động viên được từng thuyền viên hăng say làm việc, nâng cao trách nhiệm, giảm thiểu sai sót, giảm các chi phí phát sinh của đội tàu. Chú trọng xây dựng - quản lý đội ngũ các thuyền viên nòng cốt (trong Ban chỉ huy tàu).

- Đối với hoạt động GNVТ, kho bãi, đại lý:

+ Các đơn vị cần phải chủ động, năng động hơn trong việc khắc phục khó khăn, giảm thiểu chi phí đầu vào, nâng cao chất lượng dịch vụ. Công ty cố gắng cấp vốn lưu động đầy đủ và kịp thời cho công tác GNVТ để đáp ứng yêu cầu khách hàng, giữ chân khách hàng. Cần tăng cường hoạt động tiếp thị, tìm kiếm thêm khách hàng (phải đạt được chỉ tiêu về số lượng khách hàng phát triển được) để bù đắp cho những phần việc và những khách hàng bị mất.

+ Đầu tư phát triển kho bãi là hướng ưu tiên của Công ty, nhất là tại các thành phố cửa biển lớn của đất nước, trong đó cần thúc đẩy dự án xây dựng kho bãi tại khu vực Tân Cảng – Long Bình tỉnh Đồng Nai, dự án tại KCN Hoà Cầm - Tp Đà Nẵng. Tiếp tục tìm kiếm địa điểm để sau này phát triển dự án kho bãi tại khu vực Cảng Lạch Huyện – Tp Hải Phòng.

+ Chú trọng đầu tư cho phương tiện vận chuyển bộ, thiết bị xếp dỡ.

- Đối với hoạt động đầu tư BĐS, đầu tư tài chính:

+ Cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà 52 Hoà Mã, Hà Nội để sớm đưa vào khai thác. Thúc đẩy hoàn thành các thủ tục pháp lý về chủ quyền đối với các toà nhà văn phòng Công ty tại địa điểm 74 Nguyễn Du, Hà Nội và 35 Minh Khai, Hải Phòng.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các công ty liên doanh liên kết để tìm cơ hội mở rộng liên kết - hợp tác, mở rộng dịch vụ, nếu cần thì có biện pháp hỗ trợ thích hợp. Đối với các dự án ĐТХĐ phát triển kho bãi của các công ty con, công ty liên kết, nếu xét thấy có hiệu quả tốt thì có thể góp vốn cùng tham gia đầu tư, vì đây là lĩnh vực có lợi nhuận

chắc chắn, lâu dài. Trước mắt đồng ý tăng vốn Điều lệ theo yêu cầu của Vietfracht Đà Nẵng (để ĐTXD kho bãi tại KCN Hoà Cầm).

- **Công tác tài chính - kế toán:** Trước tình hình tài chính khó khăn, Công ty cần nghiên cứu, tìm các giải pháp để củng cố năng lực tài chính Công ty và làm lành mạnh hoá các cân đối tài chính, *bằng các giải pháp cơ bản sau đây:*

+ Nâng cao hiệu quả của các nghiệp vụ kinh doanh, đặc biệt là đội tàu.

+ Tìm các giải pháp để tăng cường vốn chủ sở hữu, huy động mọi nguồn vốn có thể, trong đó lưu ý tiếp tục tái cơ cấu đội tàu và các tài sản khác không có hiệu quả, hoặc xem xét thoái vốn từ các đơn vị, cơ sở kém hiệu quả...

+ Mới đây UBND Tp HCM có công văn yêu cầu phải xác định lại giá trị quyền sử dụng (QSD) đất và quyền sở hữu (QSH) nhà đối nhà 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP HCM khi đưa vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Như vậy, có thể coi là Công ty chưa hoàn thành Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và QSH nhà 22 Phạm Ngọc Thạch. Do vậy, Công ty kiến nghị ĐHCĐ tạm dừng phân phối lợi nhuận sau thuế thuộc năm tài chính 2011 (có tờ trình riêng).

- **Về các vấn đề khác:**

+ Các Phòng quản lý chung như Pháp chế - Đối ngoại, Kế toán tài vụ, Hành chính Quản trị, Ban Thư ký, Tổ IT (Công nghệ thông tin) cần phát huy những thuận lợi và những thành tích đã có, khắc phục khó khăn, cố gắng hỗ trợ giúp đỡ để các Phòng ban, đơn vị chuyên môn hoàn thành nhiệm vụ.

+ Trong khủng hoảng là lúc cần phải tiếp tục rà soát, điều chỉnh, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự, đặc biệt là công tác quản lý đội ngũ thuyền viên. Đồng thời phải nghiên cứu đề ra các biện pháp Quản trị rủi ro cho Công ty.

- **Năm 2012, định hướng đầu tư của Công ty như sau:**

+ Hoàn thành ĐTXD nhà 52 Hoà Mã - Hà Nội, sớm đưa vào khai thác.

+ ĐTXD kho bãi tại khu vực Tân Cảng – Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

+ Góp vốn để ĐTXD kho bãi tại KCN Hoà Cầm – Tp Đà Nẵng.

+ Đầu tư 01 xe nâng hạ container cho VF Hải Phòng.

+ Đầu tư vỏ container để kinh doanh vận chuyển container nội địa.

+ Hoàn thành giấy tờ chủ quyền đối với nhà 74 Nguyễn Du, Hà Nội và 35 Minh Khai, Hải Phòng.

2.5. Kế hoạch tài chính Công ty năm 2012

Căn cứ kết quả SXKD năm 2011 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2012, Công ty xây dựng kế hoạch tài chính năm 2012, với những nguyên tắc chính như sau:

- Tổ chức SXKD cả 05 tàu vận tải biển hiện có, trường hợp bán được tàu theo chủ trương tái cơ cấu đội tàu sẽ điều chỉnh mức lãi hoặc lỗ theo số liệu thực tế.

- Cố gắng đảm bảo hòa vốn trong SXKD, muốn vậy đã phải giảm quỹ tiền lương kế hoạch của khối cán bộ trên bờ (chỉ bằng 60% năm 2009/2010 và 2011), giảm 7% chi phí quản lý so với năm 2011 mặc dù năm 2012 Công ty sẽ phải chi nhiều cho việc chuẩn bị kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ước tính mức chi phí vốn: tỷ giá biến động tăng 4%, lãi suất vay USD tương đương năm 2011. Tuy nhiên, đây là những khoản chi phí nằm ngoài tầm kiểm soát của Ban điều hành nên khi thực tế có thay đổi sẽ có báo cáo cụ thể để đề nghị điều chỉnh kế hoạch phù hợp.

Kế hoạch tài chính năm 2012

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012
1	Sản xuất kinh doanh			
	- Doanh thu	Tr đ	355,265	389,665
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	<i>195,021</i>	<i>243,995</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	<i>160,244</i>	<i>145,670</i>
	- Chi phí	Tr đ	338,351	367,182
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	<i>193,053</i>	<i>229,959</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	<i>145,299</i>	<i>137,223</i>
	- Lợi nhuận	Tr đ	16,914	22,483
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	<i>1,969</i>	<i>14,036</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	<i>14,945</i>	<i>8,447</i>
2	Tài chính	Tr đ		
	- Doanh thu	<i>Tr đ</i>	14,310	12,433
	- Chi phí	<i>Tr đ</i>	47,520	34,846
	- Lợi nhuận	<i>Tr đ</i>	-33,210	-22,414
3	Bất thường	Tr đ		
	- Doanh thu	<i>Tr đ</i>	182,713	0
	- Chi phí	<i>Tr đ</i>	52,468	0
	- Lợi nhuận	<i>Tr đ</i>	130,245	0
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	113,949	69
	- Kinh doanh chính	<i>Tr đ</i>	16,914	22,483
	<i>Vận tải biển</i>	<i>Tr đ</i>	<i>1,969</i>	<i>14,036</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tr đ</i>	<i>14,945</i>	<i>8,447</i>
	- Tài chính	<i>Tr đ</i>	-33,210	-22,414
	- Bất thường	<i>Tr đ</i>	130,245	0
5	Thuế TNDN	Tr đ	39,996	0
	<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	<i>Tr đ</i>	<i>39,996</i>	
	<i>Thuế TNDN được miễn giảm</i>	<i>Tr đ</i>		
6	LN sau thuế	Tr đ	73,953	69

Năm 2012 sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thử thách, nhưng với truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và để chào mừng Vietfracht 50 tuổi, toàn thể CBCNV Công ty sẽ quyết tâm lao động, cống hiến, nâng cao hiệu quả SXKD trong mọi lĩnh vực ngành nghề, hoàn thành thắng lợi kế hoạch đề ra, tiếp tục cùng nhau đưa Công ty vượt qua ghềnh thác khó khăn hiện nay./.

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và thuê tàu Vietfracht.
- Quy chế quản trị của Hội đồng quản trị Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2011.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2011 của Công ty CP Vận tải biển và thuê tàu -Vietfracht như sau:

I. Hoạt động của ban kiểm soát

1.1. Các công tác đã thực hiện năm 2011

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2011, các thành viên trúng cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2011- 2015 đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

+ Bà Kiều Bích Hoa - Trưởng ban phụ trách chung mọi hoạt động của Ban kiểm soát và trực tiếp thực hiện một số công việc sau: Xây dựng kế hoạch ngân sách, hoạt động của Ban kiểm soát; Lập báo cáo đánh giá giám sát công tác quản lý, điều hành Công ty của HĐQT, Tổng giám đốc; Kiểm tra tính chính xác trong các báo cáo của từng thành viên; Báo cáo ĐHĐCĐ kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, các công việc khác chưa phân công cho các thành viên khác .

+ Ông Nguyễn Giang Tiến - Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm: Kiểm tra giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty; Giám sát quá trình xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty; Đánh giá hiệu quả vốn đầu tư của Công ty vào các doanh nghiệp khác; Kiến nghị những vấn đề tồn tại và phương hướng giải quyết.

+ Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm: Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, trung thực trong kế toán, thống kê, báo cáo tài chính; Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; Kiểm tra sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản của Công ty; Kiến nghị và đề xuất phương án nhằm hoàn thiện công tác kế toán của Công ty.

- Trong năm 2011, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2011 đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2011.

+ Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty trong năm.

+ Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập trong quá trình soát xét, đánh giá Báo cáo tài chính.

- + Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

- + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

1.2. Định hướng kế hoạch năm 2012

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động Công ty theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện kiểm tra, soát xét việc triển khai tái cơ cấu đội tàu của Công ty.

II. kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, ban giám đốc

- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp (thường kỳ quý/năm, bất thường) và biểu quyết theo hình thức văn bản, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật và của Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm.

- Năm 2011 Hội đồng quản trị đã ban hành 09 Nghị quyết, và các quyết định chỉ đạo khác liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền, đảm bảo công bố thông tin đúng quy định.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; phối hợp tốt với Ban Giám đốc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty, năm 2011 đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị như sau:

- + Năm 2011, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng cao, thị trường hàng hải suy giảm sâu, chính sách thắt chặt tiền tệ, tín dụng, lợi suất tăng cao, một mặt Ban Giám đốc đã chỉ đạo CBNV Công ty khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động kinh doanh, đồng thời triển khai thành công việc tái cơ cấu tài sản (chuyển nhượng nhà số 22 Phạm Ngọc Thạch - tp HCM) để tạo vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- + Ban Điều hành tập trung chỉ đạo, quản lý tàu Thăng Long và tàu Blue Lotus đang cho đối tác Nhật Bản Daiichi thuê định hạn, đảm bảo tự cân đối được dòng tiền và có hiệu quả kinh doanh có lợi trong bối cảnh thị trường vận tải biển rất xấu, nhiều doanh nghiệp thua lỗ nặng.

- Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Kiểm soát công tác quản trị của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Giám đốc còn một số tồn tại sau đây:

- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 mà Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vẫn chưa đánh giá đầy đủ khó khăn của nền kinh tế, các chính sách cũng như hoạt động của Công ty nên một số chỉ tiêu (lợi nhuận, cổ tức) đặt ra chưa sát đúng tình hình thực tế. Kết quả, năm 2011 Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận/cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Kết quả kinh doanh hoạt động vận tải biển thấp hơn so với năm 2010 mặc dù doanh thu tăng do năm 2011 Công ty đưa thêm tàu Blue Lotus vào khai thác (nâng tổng số tàu lên 5 tàu). Bên cạnh những nguyên nhân khách quan do yếu tố thị trường tác động mạnh (giá cước giảm, giá nhiên liệu tăng, chi phí vốn tăng và tỷ giá biến động bất lợi), thì nguyên nhân chủ quan là do những hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý, khai thác (khai thác tìm luồng tuyến, hàng hóa vận chuyển, quản lý kỹ thuật tàu, quản lý thuyền viên,...).

+ Triển khai công tác chuyển dịch cơ cấu ngành hoạt động kinh doanh còn chậm: Mặc dù Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty đã có những đoán nhận về tình hình thị trường vận tải biển, đưa ra quyết sách phù hợp là giảm quy mô hoạt động vận tải biển hàng rời thông qua bán và thanh lý các tàu già, có tình trạng kỹ thuật kém và khai thác kém hiệu quả (tàu VF01, VF02, VF Glory) để rút vốn tái cơ cấu nợ (trả nợ vay đầu tư tàu), tạo dòng tiền đầu tư cho các mảng hoạt động hiệu quả khác của doanh nghiệp (như kho bãi...). Tuy nhiên tiến độ triển khai còn rất chậm.

III. thẩm định báo cáo tài chính năm 2012

3.1. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Vietfracht đã được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 được kiểm toán và Báo cáo 6 tháng soát xét bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM), là Công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

- ý kiến của Kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 là ý kiến chấp thuận toàn bộ. Theo ý kiến kiểm toán viên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

3.2. Về tình hình đầu tư vốn của Công ty

Stt	Tài sản	Giá trị tài sản đến ngày 31/12/2011	Tỷ trọng
1	Đội tàu vận tải biển	511.141.775.014	82,4%
2	Ô tô các loại	4.394.236.195	0,7%
3	Kho bãi	20.593.728.092	3,3%
4	Nhà đất, trụ sở VP, văn phòng cho thuê	28.681.339.661	4,6%
5	Đầu tư góp vốn (Công ty con + Công ty Liên doanh liên kết)	55.925.143.309	9,0%
Tổng cộng		620.583.313.710	100%

Như vậy, 82,4% vốn đầu tư được tập trung cho mảng vận tải biển hàng rời, mảng hoạt động xương sống của Công ty, tuy nhiên hiệu quả đem lại rất thấp, chỉ đạt + 1,97 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm lỗ do lãi vay và chênh lệch tỷ giá). Có 9% vốn đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đem lại tỷ suất lợi nhuận 25%.

IV. đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ

Kết quả thực hiện năm 2011 như sau (đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	552.212.950.068	524.970.000.000	105.19
2	Lợi nhuận trước thuế	113.948.824.251	130.300.000.000	87.45
3	Lợi nhuận sau thuế	73.752.790.502	90.350.000.000	81.63

- Kết quả doanh thu thực hiện năm 2011 gấp gần 2 lần so với năm 2010 và lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2011 cao gấp 5 lần so với năm 2010. Nguyên nhân chính là do hoạt động tái cơ cấu tài sản nhà 22 Phạm Ngọc Thạch – Tp HCM, đem lại 175,8 tỷ đồng doanh thu và 140 tỷ đồng lợi nhuận.

- Mặc dù tổng doanh thu năm 2011 vượt 5,2% kế hoạch nhưng lợi nhuận TT năm 2011 chỉ đạt 87,5% và lợi nhuận ST chỉ đạt 81,6% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty là:

+ Nguyên nhân khách quan: Thị trường vận tải biển suy thoái (nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh trong khi nguồn cung tàu dư thừa, nên giá cước vận chuyển và giá cước cho thuê tàu xuống thấp), trong khi giá nhiên liệu tăng cao, chi phí tài chính do vay vốn đầu tư tăng tăng, biến động tỷ giá bất lợi.

+ Nguyên nhân chủ quan: Công tác khai thác tàu, quản lý kỹ thuật và quản lý thuyền viên còn hạn chế. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc kiểm điểm và nhận trách nhiệm về vấn đề này.

- Kết quả thực hiện năm 2011 đạt rất cao, chủ yếu là do phát sinh thu nhập từ việc tái cơ cấu tài sản nhà 22 Phạm Ngọc Thạch, như nêu ở trên. Tuy nhiên ngày 01/2/2012 UBND tp HCM có văn bản số 1315/VP-ĐTMT giao Sở Tài chính thẩm tra, xác định lại giá trị quyền sử dụng đất tại số 22 Phạm Ngọc Thạch, tp HCM khi cổ phần hóa Vietfracht, ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận thu được từ hoạt động chuyển nhượng này của Công ty.

V. Một số kiến nghị, đề xuất của ban kiểm soát

- Công ty cần quyết liệt tái cơ cấu đội tài theo Đề án Hội đồng quản trị đã phê duyệt để chuyển dịch vốn vào mảng hoạt động sinh lời; Thoái vốn tại dự án Quảng Ninh và các doanh nghiệp có vốn góp hoạt động không hiệu quả.

- Tập trung quản lý và giám sát chặt chẽ hoạt động vận tải biển, cắt giảm chi phí vận tải biển, công tác quản lý thuyền viên, chủ tàu, khai thác một cách triệt để, rà soát ban hành lại các định mức chi phí hoạt động của các tàu (như dầu FO, DO, vật tư thay thế) có kiểm kê báo cáo hàng quý về sử dụng, thay thế vật tư cấp cho đội tàu để nâng cao hiệu quả hoạt động của đội tàu, tiến tới giảm lỗ.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả, cần tập trung củng cố bộ máy quản lý, đầu tư cơ sở vật chất cần thiết, phát triển kho bãi mới tại các địa bàn kinh tế trọng điểm có nhu cầu thị trường lớn (dự án Tân Cảng - Long Bình tại thành phố Hồ Chí Minh, dự án tại KCN Hòa Cầm - thành phố Đà Nẵng...).

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, kế hoạch dòng tiền, để đảm bảo cơ cấu nguồn vốn hợp lý, hạn chế rủi ro chi phí vốn tăng cao và biến động tỷ giá bất lợi. Sử dụng hợp lý, đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn thu được từ tái cơ cấu tài sản, đem lại cổ tức cho cổ đông.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên
Ông Ngô Minh Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Phú	Phó TGĐ Thường trực (bổ nhiệm tháng 4/2011)
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Nghiêm Minh Tiên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9/2011)
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu tháng 9/2011)
Ông Nguyễn Giang Tiến	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu tháng 3/2011)

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Xuân Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Số: 126 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 05/03/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

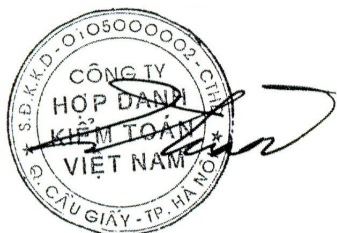
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		110.722.517.371	102.636.707.798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	56.186.681.605	50.458.586.375
1. Tiền	111		41.286.681.605	43.698.986.375
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.900.000.000	6.759.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	3.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.382.519.637	35.696.573.914
1. Phải thu khách hàng	131		8.912.468.956	12.196.755.024
2. Trả trước cho người bán	132		6.607.711.919	11.151.288.671
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	11.076.788.762	12.562.980.219
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(214.450.000)	(214.450.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.153.316.129	16.481.547.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	11.046.325.862	8.644.529.940
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.5	6.334.363.046	3.970.567.983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	650.344.164	76.885.108
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	7.122.283.057	3.789.564.478
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		621.583.313.710	480.885.150.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		565.658.170.401	428.840.007.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	550.375.832.654	404.311.643.617
<i>Nguyên giá</i>	222		742.302.622.688	551.816.551.976
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(191.926.790.034)	(147.504.908.359)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		10.103.583.758	20.684.697.914
<i>Nguyên giá</i>	228		10.107.097.914	20.684.697.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.514.156)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	5.178.753.989	3.843.665.646
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		55.925.143.309	52.045.143.309
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	31.795.400.000	28.515.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	15.944.373.309	15.344.373.309
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	8.600.000.000	8.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		732.305.831.081	583.521.858.284

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		471.928.779.406	374.902.215.324
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		144.606.827.530	157.040.576.503
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	60.648.948.539	50.138.839.127
2. Phải trả người bán	312		30.699.768.637	37.985.502.871
3. Người mua trả tiền trước	313		1.000.360.030	19.077.118.291
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	7.055.482.956	8.785.524.691
5. Phải trả người lao động	315		13.252.945.749	3.966.612.797
6. Chi phí phải trả	316		2.494.679.592	1.654.945.067
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	29.311.144.937	35.092.662.022
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		143.497.090	339.371.637
II. Nợ dài hạn	330		327.321.951.876	217.861.638.821
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	320.864.712.600	216.085.115.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	10.581.528
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.16	6.457.239.276	1.765.942.293
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.377.051.675	208.619.642.960
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		260.377.051.675	208.619.642.960
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	150.000.000.000	150.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.17	3.410.429.248	2.275.429.248
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.17	22.706.844.651	21.156.844.651
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.17	10.306.987.274	12.480.424.748
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.17	73.952.790.502	22.706.944.313
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		732.305.831.081	583.521.858.284

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
5. Ngoại tệ các loại			
USD		1.221.387,48	1.289.840,81
EURO		392,61	154,44
YEN		31.790,00	32.897,00
SGD		594,04	30.498,16

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2012

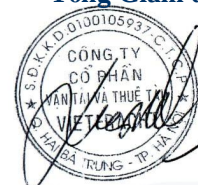
Người lập

Lưu Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Xuân Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		360.875.746.022	278.995.547.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	360.875.746.022	278.995.547.435
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	365.787.997.314	252.670.221.157
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(4.912.251.292)	26.325.326.278
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	14.310.260.938	16.969.000.709
7. Chi phí tài chính	22	5.20	47.595.850.142	11.701.330.464
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.469.893.537</i>	<i>3.848.776.351</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.729.265.819	7.275.805.487
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(46.927.106.315)	24.317.191.036
11. Thu nhập khác	31	5.21	177.026.943.108	1.505.325.269
12. Chi phí khác	32	5.21	16.151.012.542	80.985.802
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		160.875.930.566	1.424.339.467
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		113.948.824.251	25.741.530.503
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.22	39.996.033.749	3.034.586.190
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		73.952.790.502	22.706.944.313
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	4.930	1.514

Người lập

Lưu Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Ngô Xuân Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	113.948.824.251	25.741.530.503
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	48.285.742.772	30.772.942.569
- Các khoản dự phòng	03	(10.581.528)	10.581.528
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	22.837.771.994	6.799.317.556
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(171.314.248.953)	(12.307.611.185)
- Chi phí lãi vay	06	18.469.893.537	3.848.776.351
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	32.217.402.073	54.865.537.322
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	3.044.081.579	(5.888.268.352)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(15.595.054.538)	23.142.129.351
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(2.401.795.922)	(6.239.430.359)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.469.893.537)	(3.848.776.351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(41.710.927.605)	(3.528.615.799)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.545.952.250)	(1.632.874.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.462.140.200)	56.869.701.448
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(200.485.998.523)	(148.662.389.923)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	175.327.395.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(6.935.403.066)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.835.403.066
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.663.300.000)	(19.631.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	129.216.800
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.752.123.663	9.602.695.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.069.779.588)	(158.661.877.788)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	155.386.622.821	117.665.141.487
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.124.979.559)	(41.309.516.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.191.920.000)	(3.808.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	72.069.723.262	72.547.544.687
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	5.537.803.474	(29.244.631.653)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	50.458.586.375	78.953.314.610
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	190.291.756	749.903.418
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	56.186.681.605	50.458.586.375

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Người lập

Lưu Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Thủy

Tổng Giám đốc

Ngô Xuân Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION
Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Cần Thơ

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Tân Cảng - VF
Công ty Cổ phần In Viễn Đông
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam
Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN
Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (tiếp theo)

- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao và phần mềm quản lý kho bãi được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

ác khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.366.717.797	1.160.773.566
Tiền gửi Ngân hàng	39.919.963.808	42.538.212.809
Các khoản tương đương tiền	14.900.000.000	6.759.600.000
Tổng	56.186.681.605	50.458.586.375

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>	3.000.000.000	-
Tổng	3.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	373.728.300
Phải thu khác		
<i>Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm</i>	<i>5.229.333.970</i>	<i>5.229.333.970</i>
<i>Cổ tức phải thu</i>	<i>-</i>	<i>2.704.915.850</i>
<i>Tiền ứng cho các thuyền viên</i>	<i>2.642.393.127</i>	<i>1.054.454.794</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.805.061.665</i>	<i>2.800.547.305</i>
Tổng	<u>11.076.788.762</u>	<u>12.562.980.219</u>

5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dầu diesel tồn tại các tàu lúc 24h	3.519.737.675	3.075.583.672
Chi phí sửa chữa tàu	7.526.588.187	5.494.696.268
Chi phí khác	-	74.250.000
Tổng	<u>11.046.325.862</u>	<u>8.644.529.940</u>

5.5 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	6.334.363.046	3.970.567.983
Thuế xuất nhập khẩu đã nộp	19.059.751	-
Thuế TNDN nộp thừa	464.456.520	-
Thuế TNCN nộp thừa	166.603.725	70.165.358
Thuế khác	224.168	6.719.750
Tổng	<u>6.984.707.210</u>	<u>4.047.453.091</u>

5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	6.112.655.933	3.531.499.854
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.009.627.124	258.064.624
Tổng	<u>7.122.283.057</u>	<u>3.789.564.478</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

						<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác		Tổng
<u>Nguyên giá</u>							
Tại ngày 01/01	49.838.468.249	1.334.604.612	498.026.971.775	2.513.650.197	102.857.143		551.816.551.976
Tăng trong năm	-	20.545.000	199.143.244.964	301.776.633	-		199.465.566.597
XDCB hoàn thành	-	-	197.920.676.327	-	-		197.920.676.327
Mua trong năm	-	20.545.000	1.222.568.637	301.776.633	-		1.544.890.270
Giảm trong năm	7.254.615.420	826.981.183	534.486.182	363.413.100	-		8.979.495.885
Thanh lý, nhượng bán	6.887.959.003	826.981.183	131.818.182	363.413.100	-		8.210.171.468
Giảm khác	366.656.417	-	402.668.000	-	-		769.324.417
Tại ngày 31/12	42.583.852.829	528.168.429	696.635.730.557	2.452.013.730	102.857.143		742.302.622.688
<u>Hao mòn lũy kế</u>							
Tại ngày 01/01	11.623.806.954	1.186.497.262	132.626.853.350	1.964.893.650	102.857.143		147.504.908.359
Tăng trong năm	2.080.724.510	89.746.570	45.820.098.787	291.658.749	-		48.282.228.616
Trích khấu hao	2.080.724.510	89.746.570	45.820.098.787	291.658.749	-		48.282.228.616
Giảm trong năm	2.210.966.726	826.981.183	458.985.932	363.413.100	-		3.860.346.941
Thanh lý, nhượng bán	2.210.966.726	826.981.183	131.818.182	363.413.100	-		3.533.179.191
Giảm khác	-	-	327.167.750	-	-		327.167.750
Tại ngày 31/12	11.493.564.738	449.262.649	177.987.966.205	1.893.139.299	102.857.143		191.926.790.034
<u>Giá trị còn lại</u>							
Tại ngày 01/01	38.214.661.295	148.107.350	365.400.118.425	548.756.547	-		404.311.643.617
Tại ngày 31/12	31.090.288.091	78.905.780	518.647.764.352	558.874.431	-		550.375.832.654

Nguyên giá của các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 8.305.034.577 đồng.
Nguyên giá tài sản thế chấp ngân hàng là 576.936.173.492 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	41.901.875	-
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	3.910.594.930	2.753.505.301
Nhà 73 Lò Đức	813.911.839	677.815.000
Các công trình khác	136.363.436	136.363.436
Tổng	5.178.753.989	3.843.665.646

5.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	4.195.400.000	4.195.400.000
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	27.600.000.000	24.320.000.000
Tổng	31.795.400.000	28.515.400.000

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	8.000.000.000	52,44%	52,44%	Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng hóa
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	30.000.000.000	92,00%	92,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF</i>	<i>2.626.500.000</i>	<i>2.626.500.000</i>
<i>Công ty CP In Viễn Đông</i>	<i>5.400.000.000</i>	<i>4.800.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin</i>	<i>1.534.595.200</i>	<i>1.534.595.200</i>
<i>Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht</i>	<i>780.006.000</i>	<i>780.006.000</i>
Đầu tư vào công ty liên doanh		
<i>Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ</i>	<i>3.268.642.109</i>	<i>3.268.642.109</i>
<i>Nol/CSS - Singapore</i>		
<i>Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres</i>	<i>414.630.000</i>	<i>414.630.000</i>
<i>Công ty TNHH Heung-A Shipping VN</i>	<i>1.440.000.000</i>	<i>1.440.000.000</i>
<i>Công ty CP Unithai Logistics VN</i>	<i>480.000.000</i>	<i>480.000.000</i>
Tổng	15.944.373.309	15.344.373.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS -Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

(1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Nol/CSS-Singapore. Số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.

(2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình (**)	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Đầu tư XD Trung Hưng (***)	100.000.000	100.000.000
Tổng	8.600.000.000	8.600.000.000

- (*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17%, tương ứng 400.000 cổ phần trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (*) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/7/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% tương ứng 450.000 cổ phần trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (**) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2011, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% tương ứng 10.000 cổ phần trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.

5.12 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	2.808.551.139	2.549.466.487
Công ty Cổ phần Tân Cảng (ASACO)	-	6.800.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	57.840.397.400	40.789.372.640
Tổng	60.648.948.539	50.138.839.127

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	113.349.966	59.060.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.250.437.336
Thuế thu nhập cá nhân	544.276.209	1.168.247.005
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	199.126.800
Các loại thuế khác	6.397.856.781	6.108.653.362
Tổng	7.055.482.956	8.785.524.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	542.539.197	553.649.622
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	125.524.633	156.431.770
Phải trả về cổ phần hóa	13.461.071.957	9.389.618.718
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	469.909.050	607.534.548
Cổ tức phải trả	-	5.191.920.000
Tạm xác định tăng nguyên giá tài sản	-	2.429.181.451
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	5.828.813.343	5.273.525.123
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty nhà nước	7.214.182.290	7.214.182.290
Phải trả khác	297.464.568	2.904.978.601
Tổng	29.311.144.937	35.092.662.022

5.15 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ocean Eleven Shipping Corporation	-	1.703.312.040
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	133.549.136.000	149.956.585.600
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	104.176.449.000	105.214.590.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	140.979.525.000	-
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	378.705.110.000	256.874.487.640
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Vay dài hạn đến hạn trả	57.840.397.400	40.789.372.640
Số dư vay và nợ dài hạn	320.864.712.600	216.085.115.000

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTC/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 1 năm 2011.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2011/HDTC/PGB-HO ngày 09/06/2011 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô Oriental Princes trọng tải 14.187 DWT. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 9 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	712.500	712.500	712.500	712.500	712.500
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	1.508.800	1.508.800	1.508.800	1.508.800	376.800
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	555.750	555.750	555.750	555.750	555.750
Tổng	2.777.050	2.777.050	2.777.050	2.777.050	1.645.050

5.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền khách hàng đã trả trước để thuê nhà và tài sản trong năm 2012.

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	76.532.000.000	76.532.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	73.468.000.000	73.468.000.000
Tổng	150.000.000.000	150.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.000.000.000	9.000.000.000

Cổ phiếu giao dịch:

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.706.844.651	21.156.844.651
Quỹ dự phòng tài chính	10.306.987.274	12.480.424.748
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động nguồn vốn và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<i>Đơn vị tính:</i> <u>VND</u> Tổng
Tại ngày 01/01/2010	150.000.000.000	1.561.309.527	19.032.844.651	11.052.186.001	22.706.944.313	204.158.578.697
Tăng trong năm	-	714.119.721	2.124.000.000	1.428.238.747	22.706.944.313	27.168.008.576
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	22.706.944.313	22.706.944.313
Phân phối lợi nhuận	-	714.119.721	2.124.000.000	1.428.238.747	-	4.266.358.468
Tăng khác	-	-	-	-	-	194.705.795
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.282.387.468	14.282.387.468
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5.046.387.468	5.046.387.468
Chia cổ tức	-	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	236.000.000	236.000.000
Tại ngày 31/12/2010	<u>150.000.000.000</u>	2.275.429.248	21.156.844.651	12.480.424.748	31.131.501.158	217.044.199.805
Tại ngày 01/01/2011	150.000.000.000	2.275.429.248	21.156.844.651	12.480.424.748	22.706.944.313	208.619.642.960
Tăng trong năm	-	1.135.000.000	1.550.000.000	2.271.744.065	73.952.790.502	78.909.534.567
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	73.952.790.502	73.952.790.502
Phân phối lợi nhuận	-	1.135.000.000	1.550.000.000	2.271.744.065	-	4.956.744.065
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	4.445.181.539	22.706.944.313	27.152.125.852
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	7.417.744.065	7.417.744.065
Chia cổ tức	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	4.445.181.539	289.200.248	4.734.381.787
Tại ngày 31/12/2011	<u>150.000.000.000</u>	3.410.429.248	22.706.844.651	10.306.987.274	73.952.790.502	260.377.051.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.18 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	360.875.746.022	278.995.547.435
Tổng	360.875.746.022	278.995.547.435

5.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	365.787.997.314	252.670.221.157
Tổng	365.787.997.314	252.670.221.157

5.20 DOANH THU/CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	4.171.963.948	1.113.806.745
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.558.137.275	3.726.189.524
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.580.159.715	11.193.804.440
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	935.200.000
Tổng	14.310.260.938	16.969.000.709
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	18.469.893.537	3.848.776.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.026.412.455	7.850.121.466
Chi phí tài chính khác	99.544.150	2.432.647
Tổng	47.595.850.142	11.701.330.464
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	(33.285.589.204)	5.267.670.245

5.21 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	175.927.272.727	-
Đánh giá tài sản đi góp vốn	141.199.750	-
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	839.470.710	1.369.449.967
Các khoản khác	118.999.921	135.875.302
Tổng	177.026.943.108	1.505.325.269
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, chuyển nhượng	15.306.592.277	-
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	599.877.455	-
Các chi phí khác	244.542.810	80.985.802
Tổng	16.151.012.542	80.985.802
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	160.875.930.566	1.424.339.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	113.948.824.251	25.741.530.503
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(7.515.882.012)</i>	<i>(7.401.804.440)</i>
Thu nhập chịu thuế	106.432.942.239	18.339.726.063
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	(53.551.192.757)	12.402.762.609
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tỷ lệ ưu đãi	50%	50%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	-	1.550.345.326
Lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác	159.984.134.996	5.936.963.454
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	39.996.033.749	1.484.240.864
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	39.996.033.749	3.034.586.190

5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.952.790.502	22.706.944.313
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	73.952.790.502	22.706.944.313
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	4.930	1.514

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

5.24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.499.389.125	31.925.473.265
Chi phí nhân công	56.997.035.241	33.904.260.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.038.397.333	30.768.306.903
Chi phí dự phòng	57.938.275	58.710.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.750.808.980	132.798.265.727
Chi phí khác	16.173.694.179	30.491.009.632
Tổng	374.517.263.133	259.946.026.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
HĐQT và BKS		Thù lao	421.200.000	236.000.000
Ban Giám đốc		Thu nhập	701.499.163	636.578.785

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giao dịch bán hàng				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	23.727.272
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.667.207.144	215.863.921
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	254.461.615	52.329.154
Công ty CP Unithai Logistics VN	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	163.146.492	-
Giao dịch mua hàng				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	11.656.736	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	312.498.734	546.285.479
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	77.353.929	-
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	585.000	-

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu khách hàng	52.200.000	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	111.216.419	1.185.981.930
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	18.253.561	57.302.350
Các khoản phải trả				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả người bán	-	308.219.172
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải trả người bán	32.835.055	10.618.659

(*) Các giao dịch trên không bao gồm các giao dịch về chi trả cổ tức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	511.173.018.952	41.954.154.157	553.127.173.109
Xây dựng cơ bản dở dang	-	5.178.753.989	5.178.753.989
Các khoản phải thu	5.795.584.448	23.521.748.263	29.317.332.711
Hàng tồn kho	-	-	-
Tài sản không thể phân bổ	-	-	144.682.571.272
Tổng tài sản	516.968.603.400	70.654.656.409	732.305.831.081
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	8.019.609.209	59.448.903.671	67.468.512.880
Phải trả tiền vay	378.705.110.000	2.808.551.139	381.513.661.139
Nợ phải trả không phân bổ			22.946.605.387
Tổng nợ phải trả	386.724.719.209	62.257.454.810	471.928.779.406

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	194.109.935.445	166.765.810.577	360.875.746.022
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
Tổng doanh thu	194.109.935.445	166.765.810.577	360.875.746.022
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	18.640.791.517	26.145.076.427	44.785.867.944
Chi phí tài chính phân bổ	(47.520.349.892)		(47.520.349.892)
Kết quả kinh doanh bộ phận	(28.879.558.375)	26.145.076.427	(2.734.481.948)
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>			<i>116.683.306.199</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế			113.948.824.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp			39.996.033.749
Lợi nhuận trong năm			73.952.790.502

6.3 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong Báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2012

Người lập



Lưu Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

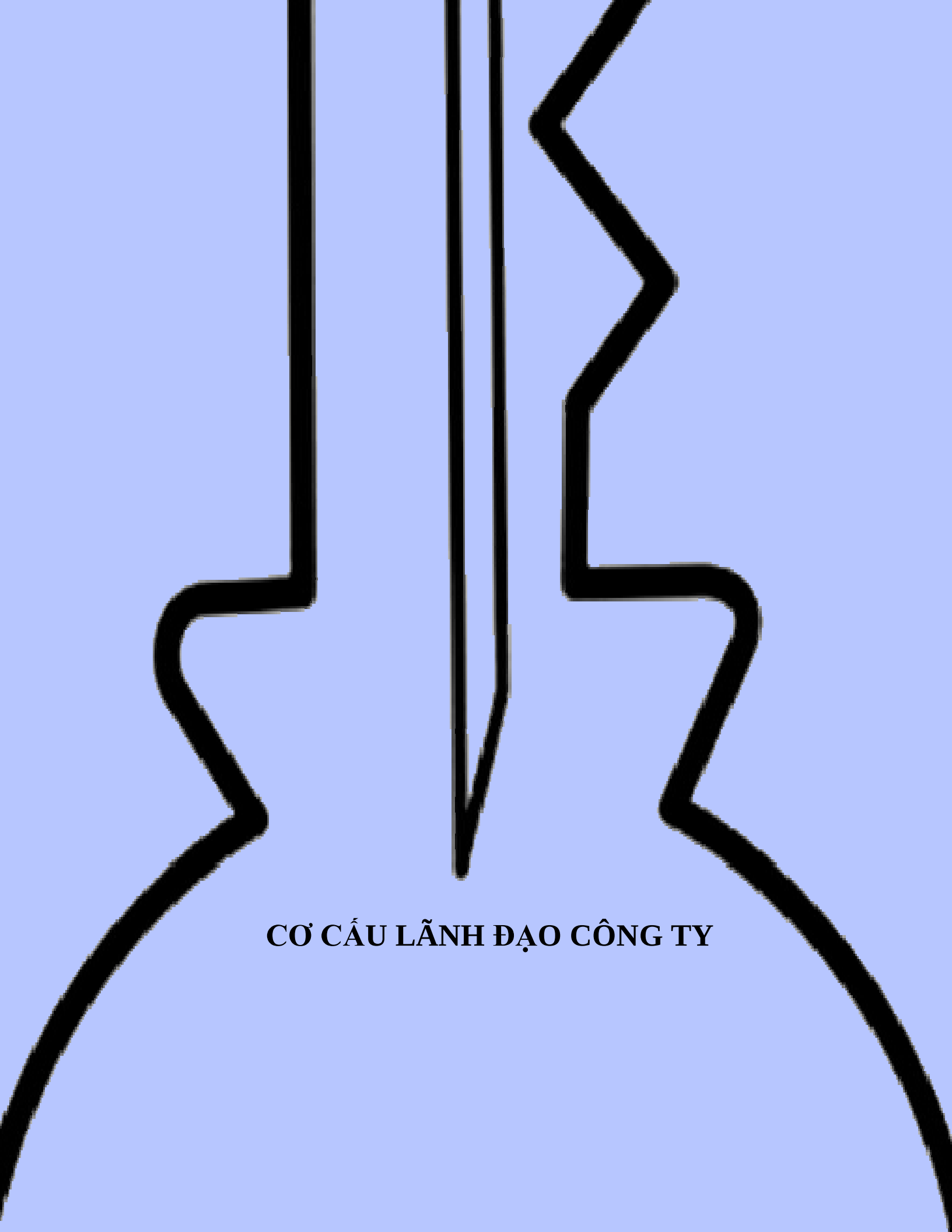


Nguyễn Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Xuân Hồng



CƠ CẤU LÃNH ĐẠO CÔNG TY

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trần Văn Quý – CT HĐQT

Sinh ngày 03/12/1954, Kỹ sư kinh tế Vận tải biển, từ năm 1985 Ông là thuyền trưởng các tàu của Vietfracht, từ năm 1993 đến năm 1996 ông đảm nhận các chức vụ Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 1998 Ông giữ chức vụ Giám đốc xí nghiệp APL (ASACO), từ năm 2000 đến năm 2003 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh APL Việt Nam và Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 2004 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2006 Ông giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2009 Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.528.056

Số CP sở hữu cá nhân: 33.500

Số CP nắm giữ: 2.561.556



Ông Ngô Xuân Hồng – UV HĐQT

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ

năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.530.456

Số CP sở hữu cá nhân: 4.900

Số CP nắm giữ: 2.535.356



Ông Nguyễn Trọng Hiền – UV HĐQT

Sinh ngày 10/09/1976, Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Học viện QTKD Vương Quốc Bỉ, từ năm 2005 đến năm 2007 Ông giữ các chức vụ Phó phòng, Trưởng phòng Dự án Công ty Investpro, từ tháng 5 năm 2007 đến nay, Ông công tác tại Ban Đầu tư 2 - Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn NN (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.607.988

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 2.607.988

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Ngô Minh Thuận – UV HĐQT

Sinh ngày 07/02/1971, Thạc sĩ kinh tế Vận tải biển, từ năm 1994 đến năm 2007 Ông lần lượt giữ các chức vụ nhân viên điều độ, Trợ lý điều hành sản xuất – XN Cảng Cát Lái, Đội trưởng Trục ban sản xuất – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc kiêm Trục ban SX – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc và Giám đốc Trung tâm điều độ, từ năm 2009 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 1.000.000

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 1.000.000



Ông Nguyễn Quang Thoại – UV HĐQT

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1983 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó và Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD CSS, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Cty Dịch vụ Hàng hải, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến năm 2011 Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN..

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 5.900

Số CP nắm giữ: 5.900

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



**Bà Kiều Bích Hoa -
Trưởng ban kiểm soát**

Sinh ngày 24/11/1983, Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính, từ năm 2005 đến năm 2006 Bà là cán bộ Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, từ năm 2006 đến nay Bà công tác tại Ban Đầu tư 2 – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn NN (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 0



**Ông Nguyễn Giang Tiến -
Ủy viên ban kiểm soát**

Sinh ngày 17/03/1951, Tiến sỹ Kinh tế đối ngoại, từ năm 1978 đến năm 2003 Ông lần lượt giữ các chức vụ Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, năm 2003 ông giữ các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, UV HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, tháng 10/2006 Ông giữ chức vụ Phó TGD Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), tháng 3 năm 2011 Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 3.300
Số CP nắm giữ: 3.300



**Ông Nguyễn Tuấn Anh -
Ủy viên ban kiểm soát**

Sinh ngày 22/10/1981, cử nhân kinh tế, hiện Ông đang là Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 2.000
Số CP nắm giữ: 2.000

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

			Ông Ngô Xuân Hồng Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành Phó Tổng Giám đốc			Ông Trần Bình Phú Phó Tổng Giám đốc
			Ông Nghiêm Minh Tiến Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú Phó Tổng Giám đốc			Ông Nguyễn Thành Luyện Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Thủy Kế toán trưởng			

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.530.456

Số CP sở hữu cá nhân: 4.900

Số CP nắm giữ: 2.535.356

Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Sinh ngày 21/02/1960 cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 4.200

Số CP nắm giữ: 4.200

Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/05/1963 kỹ sư Hàng Hải ngành điều khiển tàu biển, từ năm 1987 đến năm 2005 Ông giữ các chức vụ Thủy thủ, Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển Vietfracht, từ năm 2005 đến năm 2011 Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chuyên viên phòng Vận tải biển, phó trưởng phòng Vận tải biển, Phó trưởng phòng Quản lý tàu, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Vận tải biển và Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Vận tải biển, từ tháng... năm 2011 đến nay Ông giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 500

Số CP nắm giữ: 500

Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 01/07/1959 Thạc sỹ kinh tế Ngoại thương, từ năm 1980 đến năm 2004 Ông làm chuyên viên tại các phòng quản lý và nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 1 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng QLĐTXD, Phụ trách phòng QLĐTXD, Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0

Số CP sở hữu cá nhân: 7.400

Số CP nắm giữ: 7.400

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/06/1959 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1981 đến năm 1987 Ông làm cán bộ A13 tại Bộ Nội vụ, từ năm 1987 đến năm 1989 Ông làm cán bộ chuyên gia tại nước bạn Lào, từ năm 1989 đến năm 1992 Ông làm Trưởng phòng XNK Công ty Đầu tư Hà Nội, từ năm 1992 đến năm 1998 Ông làm Cán bộ phòng Đại lý HAS – VFHCM và đảm nhiệm chức vụ Phó Phòng đại lý HAS – VFHCM, từ năm 1998 đến tháng 8 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Đại lý SSPL, Phó Giám đốc chi nhánh VFHCM, Giám đốc chi nhánh VFHCM, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 0

Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 29/09/1957 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1979 đến năm 1995 Ông là cán bộ phòng nghiệp vụ XNK Công ty GNKV Ngoại thương Hải Phòng, cán bộ Chi nhánh Công ty Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng, từ năm 1996 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Trưởng phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Phó GD chi nhánh VFHP, Giám đốc chi nhánh VFHP, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 2.500
Số CP nắm giữ: 2.500

Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng

Sinh ngày 26/10/1957 Thạc sỹ kinh tế từ năm 1981 đến năm 1999 Ông giữ các chức vụ giáo viên Trường cao cấp NV Ngân hàng, chuyên viên phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó phòng kiểm toán nội bộ, Từ năm 2001 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, từ tháng 11 năm 2008 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 10.000
Số CP nắm giữ: 10.000

QUYỀN LỢI CỦA HĐQT và BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Quy chế trả lương như sau:

Hệ số lương: theo qui định của ND 205/2004/CP ngày 14/12/2006

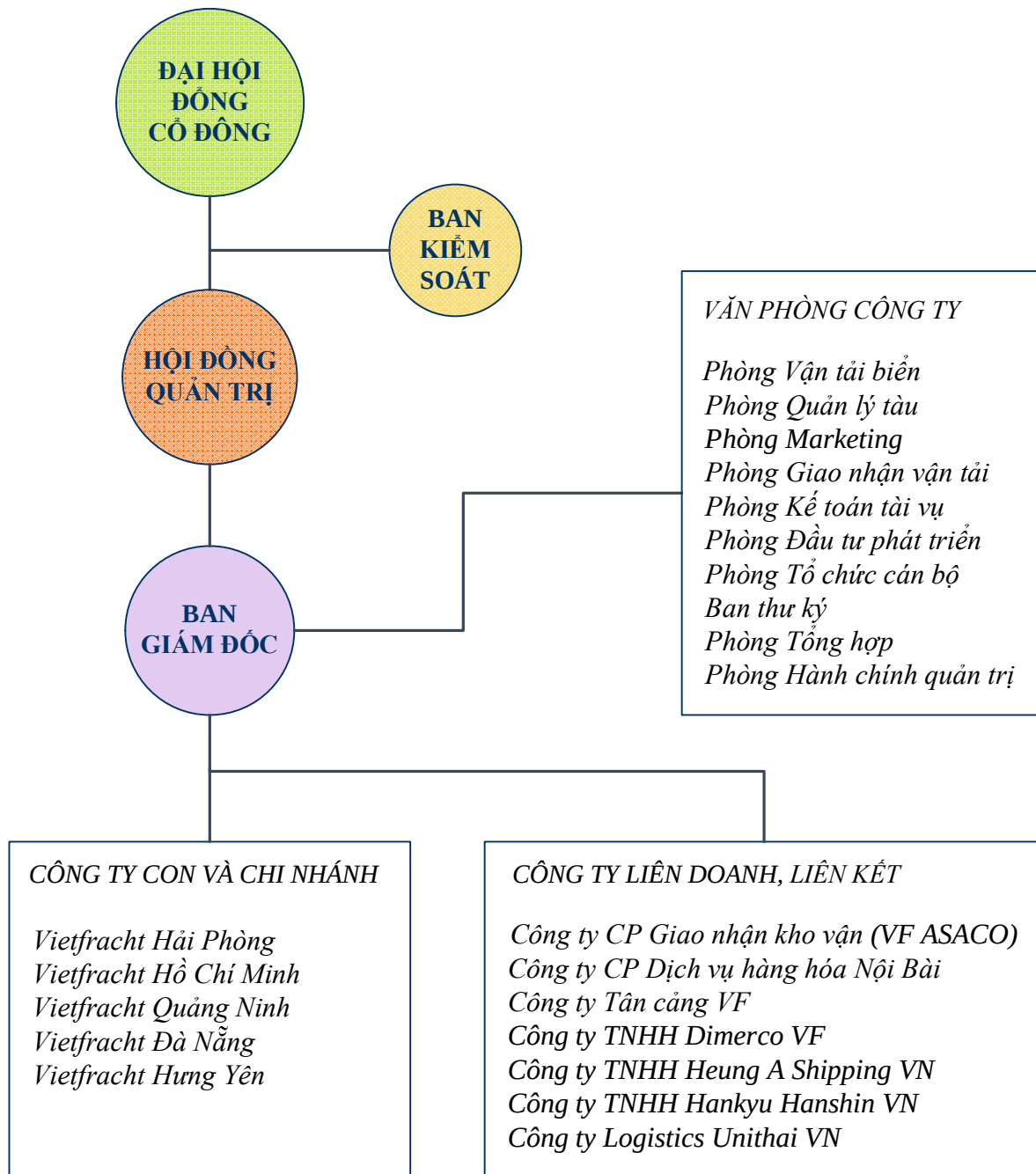
- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 7,3
- Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 6,64
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc 2/2 - Hệ số 5,98

Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:

- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 13,00
- Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 12,00
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc ½ - Hệ số 9,5

Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NĂM 2011



CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trình độ	Số lượng
Đại học và trên Đại học	309
Khác	221
Tổng	530

Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm giảng dạy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.



CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC

CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN GÓP TẠI CÔNG TY VIETFRACHT

Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): giữ 51% vốn
<http://www.scic.vn>

CÁC CÔNG TY DO CÔNG TY VIETFRACHT NÀM GIỮ TRÊN 50 % VỐN GÓP

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHĐT Tp Đà Nẵng.

Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Vốn Điều lệ: 8.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 4.195.400.000 đồng, chiếm 52,44 % vốn ĐL

Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

Chỉ tiêu	2009 (triệu đồng)	2010 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2010 so với 2009
Doanh thu	22.264	57.782	2,59 lần
Lợi nhuận trước thuế	1.111	1.748	57,3%
Lợi nhuận sau thuế	909	1.309	44,0%

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900245281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2008.

Trụ sở chính: Km 24, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 27.600.000.000 đồng, chiếm 92% vốn Điều lệ.

Ngành kinh doanh: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sắt, vận tải quá cảnh, vận tải đa phương thức; Đại lý giao nhận vận tải và tiếp vận (logistics); Kinh doanh cảng cạn(ICD), kho bãi container, kho ngoại quan; Môi giới hàng hải, XNK hàng hoá; Kinh doanh Bất động sản.

Chỉ tiêu	2009 (triệu đồng)	2010 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2009 so với 2008
Doanh thu	167,7	1.141	6,8 lần
Lợi nhuận trước thuế	(1.035)	342	Giảm lỗ còn 1/3
Lợi nhuận sau thuế	(1.035)	342	Giảm lỗ còn 1/3

CÁC CÔNG TY DO CÔNG TY VIETFRACHT NẤM GIỮ DƯỚI 50 % VỐN GÓP

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty TNHH Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	09/12/2005	780 triệu đ.	49%
2	Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Viet Nam	Hà Nội	07/07/2008	1,534 tỷ đ.	49 %
3	Công ty TNHH Vận tải biển thế kỷ (CSS) (Chấm dứt HĐ từ tháng 10/2010)	Singapore	30/09/1992	3,9268 tỷ đ.	40 %
4	Công ty CP Vận tải Tân Cảng – ASACO (ASACO)	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,626 tỷ đ.	34 %
5	Công ty TNHH Heung-A Shipping Viet Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,44 tỷ đ.	30 %
6	Công ty CP In Viễn Đông	Hưng Yên	10/05/2010	4,4 tỷ đ.	30%
7	Công ty CP Unithai Logistics Viet Nam	Hồ Chí Minh	29/02/2008	480 triệu đ.	20%
Tổng số:				15,944 tỷ đ.	

CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn đầu tư dài hạn hoặc đầu tư dài hạn vào 3 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 9,5 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP ĐTXD Trung Hưng	Hà Nội	02/06/2010	1 tỷ đ.	10%
2	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,00 tỷ đ.	4,17 %
3	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	4,5 tỷ đ.	3 %
Tổng số:				9,5 tỷ đ.	

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	51%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Năm sinh	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
I	Tổ chức				
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)		7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
2	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		1.000.000		Khai thác cảng container và các dịch vụ hàng hải
II	Cá nhân				
1	Trần Văn Quý	03/12/1954	33.500	86H Võ Thị Sáu, Q. 1, TP. HCM	
2	Ngô Xuân Hồng	08/01/1969	4.900	5/26 Ngõ 678, La Thành, HN	
3	Nguyễn Trọng Hiền	10/09/1976	0	15A Trần Khánh Dư, HN	
4	Nguyễn Quang Thoại	2008/1951	5.900	55 Ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ, HN	
5	Nguyễn Tuấn Anh	22/10/1981	2.000	220 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	
6	Nguyễn Giang Tiến	17/03/1951	3.300	Nhà số 5/24 Ng. Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, HN	
7	Trần Bình Phú	21/02/1960	4.200	Số 23 Ngõ 49 Huỳnh Phúc Kháng, HN	
8	Lê Văn Thành	10/05/1963	500	Số 6/203/22 Thanh Lương, Hai Bà Trưng, HN	
9	Vũ Anh Tú	29/09/1957	2.500	6/149 Hai Bà Trưng, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	
10	Nguyễn Thành Luyện	01/07/1959	7.400	203 Bà Triệu, HN	
III	Nước ngoài				
	Cổ đông nước ngoài		1.35%		

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT

Trụ sở chính: 74 Nguyễn Du, Hà Nội
Điện thoại: 04.38228915
Fax: 04.39423679
Website: www.vietfracht.com.vn

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 35 Minh Khai, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3745529
Fax: 031.3842276

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.38215809
Fax: 08.38216682
Website: www.vietfracht-hcm.com

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH

Địa chỉ: 51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN
Điện thoại: 033.3826697
Fax: 033.3825659

VIETFRACHT QUY NHƠN

Địa chỉ: 88 Mai Xuân Thưởng, TP. Quy Nhơn
Điện thoại: 056.3814589
Fax: 056.3822687

VIETFRACHT ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3823538
Fax: 0511.3897406
Website: www.vfv.com.vn

VIETFRACHT HƯNG YÊN

Address: Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 04.38228915 / máy lẻ 210
Fax: 04.38263978

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG HƯNG

Address: Số 4, Lô 15E, Đường Trung Hòa,
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.66583436
Fax: 04.37868567

CÔNG TY CP IN VIỄN ĐÔNG

Address: Km 24, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 0321.3587587
Fax: 03213587590

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT

Địa chỉ: 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39106028
Fax: 08.39106027

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VN

Địa chỉ: Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 08.38210806
Fax: 08.38211050
Website: www.heung-a.co.kr

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU-HANSHIN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Hoà Mã, Phường Ngô Thì Nhậm,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.39420231
Fax: 04.39424909

CÔNG TY CP UNITHAI LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39146849
Fax: 08.39146849

CÔNG TY CP TÂN CẢNG VF

Địa chỉ: 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.38291331
Fax: 08.38279124
Website: www.vietfrachtlog.com.vn

CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.2608107
Fax: 08.35129471
Website: www.saigonnewport.com.vn

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

Address: Sân bay quốc tế Nội Bài,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 04.35840905
Fax: 04.35840906
Website: www.noibaicargo.com.vn

